

## **Phụ lục I**

### **QUY TẮC CỤ THỂ MẶT HÀNG**

*(ban hành kèm theo Thông tư số 03/2019/TT-BCT ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định CPTPP)*

1. Để diễn giải Quy tắc cụ thể mặt hàng trong Phụ lục này, một số thuật ngữ được hiểu như sau:

“Phần” là một phần của Hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa;

“Chương” là một chương của Hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa;

“Nhóm” là bốn chữ số đầu tiên của mã số hàng hóa trong Hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa; và

“Phân nhóm” là sáu chữ số đầu tiên của mã số hàng hóa trong Hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa.

2. Trong Phụ lục này, hàng hóa có xuất xứ là hàng hóa được sản xuất toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc nhiều Nước thành viên bởi một hoặc nhiều nhà sản xuất và có sử dụng nguyên liệu không có xuất xứ, với điều kiện:

a) Mỗi nguyên liệu không có xuất xứ được sử dụng để sản xuất ra hàng hóa đáp ứng quy tắc chuyển đổi mã số hàng hóa (CC, CTH hoặc CTSH), quy tắc quy trình sản xuất cụ thể, quy tắc hàm lượng giá trị khu vực (RVC), hoặc các quy tắc khác được nêu trong Phụ lục này; và

b) Hàng hóa đáp ứng tất cả các quy định khác tại Thông tư này.

3. Để diễn giải Quy tắc cụ thể mặt hàng trong Phụ lục này:

a) Quy tắc cụ thể mặt hàng hoặc bộ quy tắc cụ thể mặt hàng, áp dụng cho một nhóm, phân nhóm hoặc tập hợp gồm nhiều nhóm hoặc nhiều phân nhóm được ghi ở cột bên cạnh nhóm, phân nhóm hoặc tập hợp gồm nhiều nhóm hoặc nhiều phân nhóm đó;

b) Các chú giải Phần, Chương hoặc Nhóm, nếu áp dụng, được ghi ở đầu mỗi Phần hoặc Chương và được áp dụng cùng Quy tắc cụ thể mặt hàng và có thể bổ sung các điều kiện hoặc đưa ra quy tắc thay thế cho Quy tắc cụ thể mặt hàng;

c) Quy tắc chuyển đổi mã số hàng hóa (CC, CTH hoặc CTSH) chỉ áp dụng cho nguyên liệu không có xuất xứ;

d) Trường hợp Quy tắc cụ thể mặt hàng quy định loại trừ một số nguyên liệu trong Hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa, nguyên liệu bị loại trừ phải có xuất xứ để hàng hóa được coi là có xuất xứ.

đ) Trường hợp Quy tắc cụ thể mặt hàng có nhiều quy tắc xuất xứ để lựa chọn, hàng hóa có xuất xứ khi đáp ứng một trong các quy tắc xuất xứ đó;

e) Trường hợp Quy tắc cụ thể mặt hàng quy định áp dụng kết hợp nhiều quy tắc xuất xứ, hàng hóa có xuất xứ khi đáp ứng tất cả các quy tắc xuất xứ kết hợp đó;

g) Trường hợp Quy tắc cụ thể mặt hàng đơn nhất áp dụng cho tập hợp gồm nhiều nhóm hoặc nhiều phân nhóm và quy tắc xuất xứ đó yêu cầu chuyển đổi mã số hàng hóa của nhóm (CTH) hoặc phân nhóm (CTSH), việc chuyển đổi mã số hàng hóa này áp dụng với nguyên liệu không có xuất xứ từ nhóm hoặc phân nhóm khác, hoặc có thể từ nhóm hoặc phân nhóm khác với nhóm hoặc phân nhóm của hàng hóa trong cùng tập hợp.

4. Quy tắc cụ thể mặt hàng đối với hàng dệt may quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Đối với hàng hóa thuộc Chương 84 và 87 được đánh dấu bằng ký hiệu (#), thương nhân được lựa chọn áp dụng công thức tính RVC. Các công thức này được quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

6. Danh mục Quy tắc cụ thể mặt hàng như sau:

Mã số hàng hóa (HS 2012)	Quy tắc cụ thể mặt hàng
<b>PHẦN I</b> <b>ĐỘNG VẬT SỐNG; CÁC SẢN PHẨM TỪ ĐỘNG VẬT</b>	
<b>Chương 1. Động vật sống</b>	
01.01 - 01.06	CC
<b>Chương 2. Thịt và phụ phẩm dạng thịt ăn được sau giết mổ</b>	
02.01 - 02.10	CC
<b>Chương 3. Cá và động vật giáp xác, động vật thân mềm và động vật thủy sinh không xương sống khác</b>	
<u>Chú giải Chương:</u> Cá, động vật giáp xác, động vật thân mềm hoặc động vật thủy sinh không xương sống khác thu được tại lãnh thổ của một Nước thành viên có xuất xứ ngay cả khi thu được từ trứng, ấu trùng, cá bột, cá giống, cá hồi con, hoặc cá chưa trưởng thành khác ở giai đoạn hậu ấu trùng được nhập khẩu từ một Nước không phải thành viên.	
03.01 - 03.03	CC
0304.31 - 0304.39	CTH
0304.41	CC
0304.42 - 0304.43	CTH
0304.44	Đối với cá tuyết thuộc loài angustimanus (Panama hake) hoặc productus (North Pacific hake) thuộc phân nhóm 0304.44: CC; Đối với hàng hóa khác thuộc phân nhóm 0304.44: CTH.
0304.45	CC
0304.46	CTH

Mã số hàng hóa (HS 2012)	Quy tắc cụ thể mặt hàng
0304.49	<p>Đối với cá ngừ vây xanh Đại Tây Dương (<i>Thunnus thynnus</i>), cá ngừ vây xanh Thái Bình Dương (<i>Thunnus orientalis</i>), cá ngừ vây xanh phương nam (<i>Thunnus maccoyii</i>), cá ngừ vây vàng (<i>Thunnus albacares</i>), cá ngừ mắt to (<i>Thunnus obesus</i>) hoặc cá ngừ bụng có sọc (<i>Euthynnus (Katsuwonus) pelamis</i>) thuộc phân nhóm 0304.49: CC;</p> <p>Đối với cá trích thuộc loài pilchardus (European pilchard), <i>Sardinops</i> spp. (Sardines), <i>Sardinella</i> spp. (<i>Sardinella</i>) hoặc <i>sprattus</i> (Brisling hoặc Sprats) thuộc phân nhóm 0304.49: CC;</p> <p>Đối với cá com ( cá trống) (<i>Engraulis</i> spp.) thuộc phân nhóm 0304.49: CC;</p> <p>Đối với hàng hóa khác thuộc phân nhóm 0304.49: CTH;</p>
0304.51	CTH
0304.52	<p>Đối với cá hồi đỏ ((Sockeye or <i>Oncorhynchus nerka</i>), cá hồi Thái Bình Dương (<i>Oncorhynchus gorbuscha</i> (Pink or Humpback salmon), <i>Oncorhynchus keta</i> (Chum or Dog salmon), <i>Oncorhynchus tshawytscha</i> (King or Chinook salmon), <i>Oncorhynchus kisutch</i> (Silver or Coho salmon), <i>Oncorhynchus masou</i> (Cherry salmon), <i>Oncorhynchus rhodurus</i> (Biwa masu)), cá hồi Đại Tây Dương (<i>Salmo salar</i>) hoặc cá hồi sông Đa-nuýp (Hucho Hucho) thuộc phân nhóm 0304.52: CC;</p> <p>Đối với hàng hóa khác thuộc phân nhóm 0304.99: CTH;</p>
0304.53	<p>Đối với cá tuyết thuộc loài <i>angustimanus</i> (Panama hake) hoặc <i>productus</i> (North Pacific hake) thuộc phân nhóm 0304.53: CC;</p> <p>Đối với hàng hóa khác thuộc phân nhóm 0304.53: CTH.</p>
0304.54	CC
0304.55	CTH
0304.59	<p>Đối với cá ngừ vây xanh Đại Tây Dương (<i>Thunnus thynnus</i>), cá ngừ vây xanh Thái Bình Dương (<i>Thunnus orientalis</i>), cá ngừ vây xanh phương nam (<i>Thunnus maccoyii</i>), cá ngừ vây vàng (<i>Thunnus albacares</i>), cá ngừ mắt to (<i>Thunnus obesus</i>) hoặc cá ngừ bụng có sọc (<i>Euthynnus (Katsuwonus) pelamis</i>) thuộc phân nhóm 0304.59: CC;</p> <p>Đối với cá trích thuộc loài pilchardus (European pilchard), <i>Sardinops</i> spp. (Sardines), <i>Sardinella</i> spp. (<i>Sardinella</i>) hoặc <i>sprattus</i> (Brisling hoặc Sprats) thuộc phân nhóm 0304.59: CC;</p> <p>Đối với cá com ( cá trống) (<i>Engraulis</i> spp.) thuộc phân nhóm 0304.59: CC;</p> <p>Đối với hàng hóa khác thuộc phân nhóm 0304.59: CTH;</p>

Mã số hàng hóa (HS 2012)	Quy tắc cụ thể mặt hàng
0304.61 - 0304.73	CTH
0304.74	Đối với cá tuyết thuộc loài <i>angustimanus</i> (Panama hake) hoặc <i>productus</i> (North Pacific hake) thuộc phân nhóm 0304.74: CC; Đối với hàng hóa khác thuộc phân nhóm 0304.74: CTH.
0304.75 - 0304.79	CTH
0304.81	CC
0304.82 - 0304.83	CTH
0304.84	CC
0304.85 - 0304.86	CTH
0304.87	CC
0304.89	Đối với cá trích thuộc loài <i>pilchardus</i> (European pilchard), <i>Sardinops</i> spp. (Sardines), <i>Sardinella</i> spp. (Sardinella) hoặc <i>sprattus</i> (Brisling hoặc Sprats) thuộc phân nhóm 0304.89: CC; Đối với cá cơm ( cá trổng) ( <i>Engraulis</i> spp.) thuộc phân nhóm 0304.89: CC; Đối với hàng hóa khác thuộc phân nhóm 0304.89: CTH;
0304.91	CC
0304.92 - 0304.94	CTH
0304.95	Đối với cá tuyết thuộc loài <i>angustimanus</i> (Panama hake) hoặc <i>productus</i> (North Pacific hake) thuộc phân nhóm 0304.95: CC; Đối với hàng hóa khác thuộc phân nhóm 0304.95: CTH.
0304.99	Đối với cá ngừ vây xanh Đại Tây Dương ( <i>Thunnus thynnus</i> ), cá ngừ vây xanh Thái Bình Dương ( <i>Thunnus orientalis</i> ), cá ngừ vây xanh phương nam ( <i>Thunnus maccoyii</i> ), cá ngừ vây vàng ( <i>Thunnus albacares</i> ), cá ngừ mắt to ( <i>Thunnus obesus</i> ) hoặc cá ngừ bụng có sọc ( <i>Euthynnus (Katsuwonus) pelamis</i> ) thuộc phân nhóm 0304.99: CC; Đối với cá hồi đỏ (( <i>Sockeye</i> or <i>Oncorhynchus nerka</i> ), cá hồi Thái Bình Dương ( <i>Oncorhynchus gorbuscha</i> (Pink or Humpback salmon), <i>Oncorhynchus keta</i> (Chum or Dog salmon), <i>Oncorhynchus tshawytscha</i> (King or Chinook salmon), <i>Oncorhynchus kisutch</i> (Silver or Coho salmon), <i>Oncorhynchus masou</i> (Cherry salmon), <i>Oncorhynchus rhodurus</i> (Biwa masu)), cá hồi Đại Tây Dương ( <i>Salmo salar</i> ) hoặc cá hồi sông Đa-nuýp ( <i>Hucho Hucho</i> ) thuộc phân nhóm 0304.99: CC; Đối với cá trích thuộc loài <i>pilchardus</i> (European pilchard), <i>Sardinops</i> spp. (Sardines), <i>Sardinella</i> spp. (Sardinella) hoặc <i>sprattus</i> (Brisling hoặc Sprats) thuộc phân nhóm 0304.99: CC;

Mã số hàng hóa (HS 2012)	Quy tắc cụ thể mặt hàng
	<p>Đối với cá com ( cá trổng) (Engraulis spp.) thuộc phân nhóm 0304.99: CC;            Đối với hàng hóa khác thuộc phân nhóm 0304.99: CTH;</p>
0305.10 - 0305.31	CTH
0305.32	<p>Đối với cá tuyết thuộc loài angustimanus (Panama hake) hoặc productus (North Pacific hake) thuộc phân nhóm 0305.32: CC;            Đối với hàng hóa khác thuộc phân nhóm 0305.32: CTH.</p>
0305.39	<p>Đối với cá ngừ vây xanh Đại Tây Dương (Thunnus thynnus), cá ngừ vây xanh Thái Bình Dương (Thunnus orientalis), cá ngừ vây xanh phương nam (Thunnus maccoyii), cá ngừ vây vàng (Thunnus albacares), cá ngừ mắt to (Thunnus obesus) hoặc cá ngừ bụng có sọc (Euthynnus (Katsuwonus) pelamis) thuộc phân nhóm 0305.39: CC;            Đối với cá hồi đỏ ((Sockeye or Oncorhynchus nerka), cá hồi Thái Bình Dương (Oncorhynchus gorbuscha (Pink or Humpback salmon), Oncorhynchus keta (Chum or Dog salmon), Oncorhynchus tshawytscha (King or Chinook salmon), Oncorhynchus kisutch (Silver or Coho salmon), Oncorhynchus masou (Cherry salmon), Oncorhynchus rhodurus (Biwa masu)), cá hồi Đại Tây Dương (Salmo salar) hoặc cá hồi sông Đa-nuýp (Hucho Hucho) thuộc phân nhóm 0305.39: CC;            Đối với cá kiếm (Xiphias gladius) thuộc phân nhóm 0305.39: CC;            Đối với cá trích thuộc loài pilchardus (European pilchard), Sardinops spp. (Sardines), Sardinella spp. (Sardinella) hoặc sprattus (Brisling hoặc Sprats) thuộc phân nhóm 0305.39: CC;            Đối với cá com ( cá trổng) (Engraulis spp.) thuộc phân nhóm 0305.39: CC;            Đối với hàng hóa khác thuộc phân nhóm 0305.39: CTH;</p>
0305.41	CC
0305.42 - 0305.44	CTH
0305.49	<p>Đối với cá ngừ vây xanh Đại Tây Dương (Thunnus thynnus), cá ngừ vây xanh Thái Bình Dương (Thunnus orientalis), cá ngừ vây xanh phương nam (Thunnus maccoyii), cá ngừ vây vàng (Thunnus albacares), cá ngừ mắt to (Thunnus obesus) hoặc cá ngừ bụng có sọc (Euthynnus (Katsuwonus) pelamis) thuộc phân nhóm 0305.49: CC;            Đối với cá kiếm (Xiphias gladius) thuộc phân nhóm 0305.49: CC;            Đối với cá trích thuộc loài pilchardus (European pilchard),</p>

Mã số hàng hóa (HS 2012)	Quy tắc cụ thể mặt hàng
	<p>Sardinops spp. (Sardines), Sardinella spp. (Sardinella) hoặc sprattus (Brisling hoặc Sprats) thuộc phân nhóm 0305.49: CC;</p> <p>Đối với cá com ( cá trổng) (Engraulis spp.) thuộc phân nhóm 0305.49: CC;</p> <p>Đối với cá tuyết thuộc loài angustimanus (Panama hake) hoặc loài productus (North Pacific hake) thuộc phân nhóm 0305.49: CC;</p> <p>Đối với hàng hóa khác thuộc phân nhóm 0305.49: CTH;</p>
0305.51	CTH
0305.59	<p>Đối với cá ngừ vây xanh Đại Tây Dương (Thunnus thynnus), cá ngừ vây xanh Thái Bình Dương (Thunnus orientalis), cá ngừ vây xanh phương nam (Thunnus maccoyii), cá ngừ vây vàng (Thunnus albacares), cá ngừ mắt to (Thunnus obesus) hoặc cá ngừ bụng có sọc (Euthynnus (Katsuwonus) pelamis) thuộc phân nhóm 0305.59: CC;</p> <p>Đối với cá hồi đỏ ((Sockeye or Oncorhynchus nerka), cá hồi Thái Bình Dương (Oncorhynchus gorbuscha (Pink or Humpback salmon), Oncorhynchus keta (Chum or Dog salmon), Oncorhynchus tshawytscha (King or Chinook salmon), Oncorhynchus kisutch (Silver or Coho salmon), Oncorhynchus masou (Cherry salmon), Oncorhynchus rhodurus (Biwa masu)), cá hồi Đại Tây Dương (Salmo salar) hoặc cá hồi sông Đa-nuýp (Hucho Hucho) thuộc phân nhóm 0305.59: CC;</p> <p>Đối với cá kiếm (Xiphias gladius) thuộc phân nhóm 0305.59: CC;</p> <p>Đối với cá trích thuộc loài pilchardus (European pilchard), Sardinops spp. (Sardines), Sardinella spp. (Sardinella) hoặc sprattus (Brisling hoặc Sprats) thuộc phân nhóm 0305.59: CC;</p> <p>Đối với cá com ( cá trổng) (Engraulis spp.), trừ cá com thuộc loài punctifer (Buccaneer anchovy), heteroloba (Shorthead anchovy), commersonii (Commerson's anchovy) hoặc andhraensis (Andhra anchovy) thuộc phân nhóm 0305.59: CC;</p> <p>Đối với cá tuyết thuộc loài angustimanus (Panama hake) hoặc loài productus (North Pacific hake) thuộc phân nhóm 0305.59: CC;</p> <p>Đối với hàng hóa khác thuộc phân nhóm 0305.59: CTH;</p>
0305.61 - 0305.62	CTH
0305.63	CC
0305.64	CTH

<b>Mã số hàng hóa (HS 2012)</b>	<b>Quy tắc cụ thể mặt hàng</b>
0305.69	<p>Đối với cá ngừ vây xanh Đại Tây Dương (<i>Thunnus thynnus</i>), cá ngừ vây xanh Thái Bình Dương (<i>Thunnus orientalis</i>), cá ngừ vây xanh phương nam (<i>Thunnus maccoyii</i>), cá ngừ vây vàng (<i>Thunnus albacares</i>), cá ngừ mắt to (<i>Thunnus obesus</i>) hoặc cá ngừ bụng có sọc (<i>Euthynnus (Katsuwonus) pelamis</i>) thuộc phân nhóm 0305.69: CC;</p> <p>Đối với cá hồi đỏ ((<i>Sockeye</i> or <i>Oncorhynchus nerka</i>), cá hồi Thái Bình Dương (<i>Oncorhynchus gorbuscha</i> (Pink or Humpback salmon), <i>Oncorhynchus keta</i> (Chum or Dog salmon), <i>Oncorhynchus tshawytscha</i> (King or Chinook salmon), <i>Oncorhynchus kisutch</i> (Silver or Coho salmon), <i>Oncorhynchus masou</i> (Cherry salmon), <i>Oncorhynchus rhodurus</i> (Biwa masu)), cá hồi Đại Tây Dương (<i>Salmo salar</i>) hoặc cá hồi sông Đa-nuýp (<i>Hucho Hucho</i>) thuộc phân nhóm 0305.69: CC;</p> <p>Đối với cá kiếm (<i>Xiphias gladius</i>) thuộc phân nhóm 0305.69: CC;</p> <p>Đối với cá trích thuộc loài <i>pilchardus</i> (European pilchard), <i>Sardinops</i> spp. (Sardines), <i>Sardinella</i> spp. (<i>Sardinella</i>) hoặc <i>sprattus</i> (Brisling hoặc Sprats) thuộc phân nhóm 0305.69: CC;</p> <p>Đối với cá tuyết thuộc loài <i>angustimanus</i> (Panama hake) hoặc loài <i>productus</i> (North Pacific hake) thuộc phân nhóm 0305.69: CC;</p> <p>Đối với hàng hóa khác thuộc phân nhóm 0305.69: CTH;</p>
0305.71	CTH
0305.72 - 0305.79	<p>Đối với cá ngừ vây xanh Đại Tây Dương (<i>Thunnus thynnus</i>), cá ngừ vây xanh Thái Bình Dương (<i>Thunnus orientalis</i>), cá ngừ vây xanh phương nam (<i>Thunnus maccoyii</i>), cá ngừ vây vàng (<i>Thunnus albacares</i>), cá ngừ mắt to (<i>Thunnus obesus</i>) hoặc cá ngừ bụng có sọc (<i>Euthynnus (Katsuwonus) pelamis</i>) thuộc phân nhóm 0305.72 đến 0305.79: CC;</p> <p>Đối với cá hồi đỏ ((<i>Sockeye</i> or <i>Oncorhynchus nerka</i>), cá hồi Thái Bình Dương (<i>Oncorhynchus gorbuscha</i> (Pink or Humpback salmon), <i>Oncorhynchus keta</i> (Chum or Dog salmon), <i>Oncorhynchus tshawytscha</i> (King or Chinook salmon), <i>Oncorhynchus kisutch</i> (Silver or Coho salmon), <i>Oncorhynchus masou</i> (Cherry salmon), <i>Oncorhynchus rhodurus</i> (Biwa masu)), cá hồi Đại Tây Dương (<i>Salmo salar</i>) hoặc cá hồi sông Đa-nuýp (<i>Hucho Hucho</i>) thuộc phân nhóm 0305.72 đến 0305.79: CC;</p> <p>Đối với cá kiếm (<i>Xiphias gladius</i>) thuộc phân nhóm 0305.72 đến 0305.79: CC;</p>

<b>Mã số hàng hóa (HS 2012)</b>	<b>Quy tắc cụ thể mặt hàng</b>
	<p>Đối với cá trích thuộc loài pilchardus (European pilchard), Sardinops spp. (Sardines), Sardinella spp. (Sardinella) hoặc sprattus (Brisling hoặc Sprats) thuộc phân nhóm 0305.72 đến 0305.79: CC;</p> <p>Đối với cá cơm ( cá trổng) (Engraulis spp.) thuộc phân nhóm 0305.72 đến 0305.79: CC;</p> <p>Đối với cá tuyết thuộc loài angustimanus (Panama hake) hoặc loài productus (North Pacific hake) thuộc phân nhóm 0305.72 đến 0305.79: CC;</p> <p>Đối với hàng hóa khác thuộc phân nhóm 0305.59: CTH;</p>
0306.11 - 0306.14	CC; hoặc không yêu cầu chuyển đổi mã số hàng hóa, với điều kiện hàng hóa được hun khói từ nguyên liệu chưa được hun khói.
0306.15	CC; hoặc không yêu cầu chuyển đổi mã số hàng hóa với điều kiện hàng hóa được hun khói từ nguyên liệu chưa được hun khói; hoặc RVC không thấp hơn 40% theo công thức tính gián tiếp.
0306.16 - 0306.17	CC; hoặc không yêu cầu chuyển đổi mã số hàng hóa, với điều kiện hàng hóa được hun khói từ nguyên liệu chưa được hun khói.
0306.19	CC; hoặc không yêu cầu chuyển đổi mã số hàng hóa với điều kiện hàng hóa được hun khói từ nguyên liệu chưa được hun khói; hoặc RVC không thấp hơn 40% theo công thức tính gián tiếp.
0306.21 - 0306.24	CC; hoặc không yêu cầu chuyển đổi mã số hàng hóa, với điều kiện hàng hóa được hun khói từ nguyên liệu chưa được hun khói.
0306.25	CC; hoặc không yêu cầu chuyển đổi mã số hàng hóa với điều kiện hàng hóa được hun khói từ nguyên liệu chưa được hun khói; hoặc RVC không thấp hơn 45% theo công thức tính gián tiếp.
0306.26 - 0306.27	CC; hoặc không yêu cầu chuyển đổi mã số hàng hóa, với điều kiện hàng hóa được hun khói từ nguyên liệu chưa được hun khói.
0306.29	CC; hoặc không yêu cầu chuyển đổi mã số hàng hóa với điều kiện hàng hóa được hun khói từ nguyên liệu chưa được hun khói; hoặc RVC không thấp hơn 45% theo công thức tính gián tiếp.
0307.11	CC
0307.19	CC; hoặc không yêu cầu chuyển đổi mã số hàng hóa, với điều kiện hàng hóa được hun khói từ nguyên liệu chưa được hun khói.
0307.21	CC



<b>Mã số hàng hóa (HS 2012)</b>	<b>Quy tắc cụ thể mặt hàng</b>
0307.29	CC; hoặc không yêu cầu chuyển đổi mã số hàng hóa, với điều kiện hàng hóa được hun khói từ nguyên liệu chưa được hun khói.
0307.31	CC
0307.39	CC; hoặc không yêu cầu chuyển đổi mã số hàng hóa, với điều kiện hàng hóa được hun khói từ nguyên liệu chưa được hun khói.
0307.41	CC
0307.49	CC; hoặc không yêu cầu chuyển đổi mã số hàng hóa, với điều kiện hàng hóa được hun khói từ nguyên liệu chưa được hun khói.
0307.51	CC
0307.59 - 0307.60	CC; hoặc không yêu cầu chuyển đổi mã số hàng hóa, với điều kiện hàng hóa được hun khói từ nguyên liệu chưa được hun khói.
0307.71	CC; hoặc RVC không thấp hơn 40% theo công thức tính gián tiếp.
0307.79	CC; hoặc không yêu cầu chuyển đổi mã số hàng hóa với điều kiện hàng hóa được hun khói từ nguyên liệu chưa được hun khói; hoặc RVC không thấp hơn 40% theo công thức tính gián tiếp.
0307.81	CC
0307.89	CC; hoặc không yêu cầu chuyển đổi mã số hàng hóa, với điều kiện hàng hóa được hun khói từ nguyên liệu chưa được hun khói.
0307.91	CC; hoặc RVC không thấp hơn 40% theo công thức tính gián tiếp.
0307.99	CC; hoặc không yêu cầu chuyển đổi mã số hàng hóa với điều kiện hàng hóa được hun khói từ nguyên liệu chưa được hun khói; hoặc RVC không thấp hơn 40% theo công thức tính gián tiếp.
0308.11	CC; hoặc RVC không thấp hơn 40% theo công thức tính gián tiếp.
0308.19	CC; hoặc không yêu cầu chuyển đổi mã số hàng hóa với điều kiện hàng hóa được hun khói từ nguyên liệu chưa được hun khói; hoặc RVC không thấp hơn 40% theo công thức tính gián tiếp.
0308.21	CC; hoặc RVC không thấp hơn 40% theo công thức tính gián tiếp.
0308.29 - 0308.90	CC; hoặc không yêu cầu chuyển đổi mã số hàng hóa với điều kiện hàng hóa được hun khói từ nguyên liệu chưa được hun khói; hoặc RVC không thấp hơn 40% theo công thức tính gián tiếp.

Mã số hàng hóa (HS 2012)	Quy tắc cụ thể mặt hàng
<b>Chương 4. Sản phẩm bơ sữa; trứng chim và trứng gia cầm; mật ong tự nhiên; sản phẩm ăn được gốc động vật, chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác</b>	
04.01 - 04.04	CC, ngoại trừ từ các chế phẩm ăn kiêng thuộc phân nhóm 1901.90 có chứa trên 10% sữa khô tính theo trọng lượng chất khô.
04.05	CC, ngoại trừ từ các chế phẩm ăn kiêng thuộc phân nhóm 1901.90 hoặc 2106.90 có chứa trên 10% sữa khô tính theo trọng lượng chất khô.
04.06	CC, ngoại trừ từ các chế phẩm ăn kiêng thuộc phân nhóm 1901.90 có chứa trên 10% sữa khô tính theo trọng lượng chất khô.
04.07 - 04.09	CC
04.10	Đối với tổ yến ăn được thuộc nhóm 04.10: RVC không thấp hơn 40% theo công thức tính gián tiếp; Đối với hàng hóa khác thuộc nhóm 04.10: CC.
<b>Chương 5. Sản phẩm gốc động vật, chưa được chi tiết hoặc ghi ở các nơi khác</b>	
05.01 - 05.11	CC
<b>PHẦN II CÁC SẢN PHẨM THỰC VẬT</b>	
<u>Chú giải Phần:</u> Sản phẩm nông nghiệp hoặc làm vườn được trồng trên lãnh thổ của một Nước thành viên có xuất xứ nếu được trồng từ hạt, củ, thân rễ, gốc ghép, giâm cành, cành, chồi hoặc các bộ phận sống khác của cây được nhập khẩu từ Nước không phải thành viên.	
<b>Chương 6. Cây sống và các loại cây trồng khác; củ, rễ và loại tương tự; cảnh hoa và cảnh lá trang trí</b>	
06.01 - 06.04	CC
<b>Chương 7. Rau và một số loại củ, thân củ và rễ ăn được</b>	
07.01 - 07.14	CC
<b>Chương 8. Quả và quả hạch ăn được; vỏ quả thuộc họ cam quýt hoặc các loại dưa</b>	
0801.11 - 0801.31	CC
0801.32	CTSH
08.02 - 08.13	CC
08.14	CC; hoặc RVC không thấp hơn 45% theo công thức tính gián tiếp.
<b>Chương 9. Cà phê, chè, chè Paragoay và các loại gia vị</b>	
0901.11 - 0901.12	CC
0901.21 - 0901.90	CTSH, với điều kiện trọng lượng chất khô của nguyên liệu không có xuất xứ thuộc phân nhóm 0901.11 và 0901.12 không vượt quá 60% trọng lượng chất khô của nguyên liệu thuộc phân nhóm 0901.11 và 0901.12 dùng để chế biến ra

Mã số hàng hóa (HS 2012)	Quy tắc cụ thể mặt hàng
	hàng hóa.
0902.10	CC; hoặc RVC không thấp hơn 40% theo công thức tính gián tiếp.
0902.20	CC
0902.30	CTSH
0902.40	CC
09.03	CC
0904.11	CC
0904.12	CC; hoặc RVC không thấp hơn 40% theo công thức tính gián tiếp.
0904.21	Đối với quả ớt thuộc phân nhóm 0904.21: CC, ngoại trừ từ phân nhóm 0709.60; Đối với hàng hóa khác thuộc phân nhóm 0904.21: CC.
0904.22	Đối với quả ớt thuộc phân nhóm 0904.22: CC, ngoại trừ từ phân nhóm 0709.60; Đối với hàng hóa khác thuộc phân nhóm 0904.21: CTSH.
0905.10	CC
0905.20	CTSH
0906.11 - 0906.19	CC
0906.20	CTSH
0907.10	CC
0907.20	CTSH
0908.11	CC
0908.12	CTSH
0908.21	CC
0908.22	CTSH
0908.31	CC
0908.32	CTSH
0909.21	CC
0909.22	CTSH
0909.31	CC
0909.32	CTSH
0909.61	CC
0909.62	CTSH
0910.11	CC
0910.12	CTSH
0910.20 - 0910.30	CC; hoặc không yêu cầu chuyển đổi mã số hàng hóa, với điều kiện hàng hóa được nghiền từ nguyên liệu chưa nghiền.
0910.91	CTSH
0910.99	CTSH; hoặc không yêu cầu chuyển đổi mã số hàng hóa, với điều kiện hàng hóa được nghiền từ nguyên liệu chưa nghiền.
<b>Chương 10. Ngũ cốc</b>	
10.01 - 10.08	CC

Mã số hàng hóa (HS 2012)	Quy tắc cụ thể mặt hàng
<b>Chương 11. Các sản phẩm xay xát; malt; tinh bột; inulin; gluten lúa mì</b>	
11.01	CC
1102.20	CC
1102.90	CC, ngoại trừ từ nhóm 10.06.
1103.11 - 1103.19	CC
1103.20	CC, ngoại trừ từ nhóm 10.06.
11.04	CC
11.05	CC, ngoại trừ từ nhóm 07.01.
11.06 - 11.07	CC
1108.11 - 1108.12	CC
1108.13	CC, ngoại trừ từ nhóm 07.01.
1108.14	CC, ngoại trừ từ phân nhóm 0714.10.
1108.19 - 1108.20	CC
11.09	CC
<b>Chương 12. Hạt dầu và quả có dầu; các loại ngũ cốc, hạt và quả khác; cây công nghiệp hoặc cây dược liệu; rơm, rạ và cỏ khô</b>	
12.01 - 12.07	CC
1208.10	CC
1208.90	Đối với bột mịn hoặc bột thô từ hạt rum thuộc phân nhóm 1208.90: CC; Đối với hàng hóa khác phân nhóm 1208.90: CTH
12.09 - 12.14	CC
<b>Chương 13. Nhựa cánh kiến đỏ; gôm, nhựa cây, các chất nhựa và các chất chiết xuất từ thực vật khác</b>	
13.01	CC
1302.11 - 1302.32	CC
1302.39	Đối với các chất làm đặc và làm dày thu được từ <i>Caesalpinia spinosa</i> (Tara) thuộc phân nhóm 1302.39: CC; hoặc RVC không thấp hơn 45% theo công thức tính gián tiếp; Đối với hàng hóa khác thuộc phân nhóm 1302.39: CC; hoặc RVC không thấp hơn 40% theo công thức tính gián tiếp.
<b>Chương 14. Vật liệu thực vật dùng để tết bện; các sản phẩm thực vật chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác</b>	
14.01 - 14.04	CC
PHẦN III	
MỠ VÀ DẦU ĐỘNG VẬT HOẶC THỰC VẬT VÀ CÁC SẢN PHẨM TÁCH TỪ CHÚNG; MỠ ĂN ĐƯỢC ĐÃ CHẾ BIẾN; CÁC LOẠI SÁP ĐỘNG VẬT HOẶC THỰC VẬT.	
<b>Chương 15. Mỡ và dầu động vật hoặc thực vật và các sản phẩm tách từ chúng; mỡ ăn được đã chế biến; các loại sáp động vật hoặc thực vật.</b>	
15.01 - 15.09	CC
15.10	CC; hoặc RVC không thấp hơn 40% theo công thức tính

Mã số hàng hóa (HS 2012)	Quy tắc cụ thể mặt hàng
	gián tiếp.
1511.10	CC
1511.90	CC; hoặc RVC không thấp hơn 40% theo công thức tính gián tiếp.
15.12	CC
1513.11	CC
1513.19	CC; hoặc RVC không thấp hơn 40% theo công thức tính gián tiếp.
1513.21	CC
1513.29	CC; hoặc RVC không thấp hơn 40% theo công thức tính gián tiếp.
15.14	CC
1515.11	CC
1515.19	CC; hoặc RVC không thấp hơn 40% theo công thức tính gián tiếp.
1515.21	CC
1515.29 - 1515.50	CC; hoặc RVC không thấp hơn 40% theo công thức tính gián tiếp.
1515.90	CC; hoặc RVC không thấp hơn 40% theo công thức tính gián tiếp.
15.16 - 15.17	CC
15.18 - 15.22	CTH
<b>PHẦN IV</b>	
<b>THỰC PHẨM CHẾ BIẾN; ĐỒ UỐNG, RƯỢU MẠNH VÀ GIẤM; THUỐC LÁ VÀ CÁC LOẠI NGUYÊN LIỆU THAY THẾ THUỐC LÁ ĐÃ CHẾ BIẾN</b>	
<b>Chương 16. Các chế phẩm từ thịt, cá hay động vật giáp xác, động vật thân mềm hoặc động vật thủy sinh không xương sống khác</b>	
16.01	CC
1602.10 - 1602.31	CC
1602.32	CC, ngoại trừ từ Chương 2; hoặc RVC không thấp hơn 45% theo công thức tính gián tiếp.
1602.39	CC
1602.41 - 1602.50	CC, ngoại trừ từ Chương 2; hoặc RVC không thấp hơn 45% theo công thức tính gián tiếp.
1602.90	CC
16.03	CC
1604.11 - 1604.12	CC
1604.13	Đối với cá trích loài brachysoma (Deepbody sardinella), fimbriata (Fringescale sardinella), longiceps (Indian oil sardine), melanura (Blacktip sardinella), samarensis hoặc lemuru (Bali sardinella) hoặc cá trích xương (Goldstripe sardinella) thuộc phân nhóm 1604.13: CC; Đối với hàng hóa khác thuộc phân nhóm 1604.13: CC, ngoại

Mã số hàng hóa (HS 2012)	Quy tắc cụ thể mặt hàng
	trừ từ Chương 3.
1604.14	CC, ngoại trừ từ Chương 3.
1604.15	CC
1604.16	<p>Đối với cá cơm thuộc loài punctifer (Buccaneer anchovy), heteroloba (Shorthead anchovy), commersonii (Commerson's anchovy) hoặc andhraensis (Andhra anchovy) thuộc phân nhóm 1604.16: CC;</p> <p>Đối với hàng hóa khác thuộc phân nhóm 1604.16: CC, ngoại trừ từ Chương 3.</p>
1604.17	CC
1604.19	<p>Đối với cá tuyết thuộc loài angustimanus (Panama hake) hoặc productus (North Pacific hake) thuộc phân nhóm 1604.19: CC, ngoại trừ từ Chương 3;</p> <p>Đối với hàng hóa khác thuộc phân nhóm 1604.19: CC.</p>
1604.20	<p>Đối với cá cơm thuộc phân nhóm 1604.20, trừ cá cơm thuộc loài punctifer (Buccaneer anchovy), heteroloba (Shorthead anchovy), commersonii (Commerson's anchovy) hoặc andhraensis (Andhra anchovy): CC, ngoại trừ từ Chương 3;</p> <p>Đối với cá ngừ (Tuna) thuộc phân nhóm 1604.20: CC, ngoại trừ từ Chương 3;</p> <p>Đối với cá tuyết thuộc loài angustimanus (Panama hake) hoặc productus (North Pacific hake) thuộc phân nhóm 1604.20: CC, ngoại trừ từ Chương 3;</p> <p>Đối với cá trích thuộc loài pilchardus (European pilchard), Sardinops spp. (Sardines), Sardinella spp. (Sardinella) hoặc Sprattus sprattus (Brisling or Sprats) thuộc phân nhóm 1604.20, trừ cá trích thuộc loài brachysoma (Deepbody sardinella), fimbriata (Fringescale sardinella), longiceps (Indian oil sardine), melanura (Blacktip sardinella), samarensis hoặc lemuru (Bali sardinella) hoặc gibbosa (Goldstripe sardinella): CC, ngoại trừ từ Chương 3;</p> <p>Đối với cá trích thuộc loài brachysoma (Deepbody sardinella), fimbriata (Fringescale sardinella), longiceps (Indian oil sardine), melanura (Blacktip sardinella), samarensis hoặc lemuru (Bali sardinella) hoặc gibbosa (Goldstripe sardinella) thuộc phân nhóm 1604.20: CC, ngoại trừ từ Chương 3; hoặc RVC không thấp hơn 40% theo công thức tính gián tiếp;</p> <p>Đối với cá xay và các chế phẩm của cá xay thuộc phân nhóm 1604.20: CC; hoặc RVC không thấp hơn 40% theo công thức tính gián tiếp;</p> <p>Đối với hàng hóa khác thuộc phân nhóm 1604.20: CC.</p>
1604.31 - 1604.32	CC

Mã số hàng hóa (HS 2012)	Quy tắc cụ thể mặt hàng
16.05	CC
<b>Chương 17. Đường và các loại kẹo đường</b>	
1701.12	CC
1701.13 - 1701.99	CC, ngoại trừ từ phân nhóm 1212.93.
1702.11 - 1702.20	CC
1702.30 - 1702.60	CC, ngoại trừ từ phân nhóm 1212.93.
1702.90	CC
17.03	CC
17.04	CTH
<b>Chương 18. Ca cao và các chế phẩm từ ca cao</b>	
<u>Chú giải Nhóm:</u>	
<p>1. Hàm lượng ca cao: Trong phạm vi của nhóm 18.06, “lượng ca cao” chứa các thành phần từ hạt ca cao, nghĩa là tổng lượng ca cao lỏng hoặc bột ca cao (ca cao khô) và bơ cacao. Hàm lượng phần trăm ca cao là tổng tỷ lệ phần trăm của các thành phần này tính theo trọng lượng của hàng hóa.</p> <p>2. Kẹo: Trong phạm vi của nhóm 18.06, “kẹo” là hàng hóa được đóng gói để bán lẻ và về nguyên tắc có thể ăn được mà không cần chế biến thêm.</p>	
18.01 - 18.02	CC
18.03 - 18.05	CTH
1806.10	Đối với bột ca cao đã bổ sung chất làm ngọt thuộc phân nhóm 1806.10 có chứa từ 90% đường hoặc hơn tính theo trọng lượng chất khô: CTH, ngoại trừ từ nhóm 17.01; Đối với hàng hóa khác thuộc phân nhóm 1806.10: CTH, với điều kiện nguyên liệu không có xuất xứ không vượt quá 50% trọng lượng của hàng hóa.
1806.20	Đối với hàng hóa thuộc phân nhóm 1806.20 có chứa hàm lượng trên 70% ca cao tính theo trọng lượng: CC; hoặc RVC không thấp hơn 50% theo công thức tính gián tiếp; Đối với hàng hóa khác thuộc phân nhóm 1806.20: CTH.
1806.31 - 1806.90	Đối với kẹo thuộc phân nhóm 1806.31 đến 1806.90 có chứa hàm lượng trên 70% ca cao tính theo trọng lượng: CC; hoặc RVC không thấp hơn 50% theo công thức tính gián tiếp; Đối với hàng hóa khác thuộc phân nhóm 1806.31 đến 1806.90: CTSH.
<b>Chương 19 - Chế phẩm từ ngũ cốc, bột, tinh bột hoặc sữa; các loại bánh</b>	
1901.10	Đối với hàng hóa thuộc phân nhóm 1901.10 có chứa trên 10% sữa khô tính theo trọng lượng chất khô: CC, ngoại trừ nhóm 04.01 đến 04.06; Đối với hàng hóa khác thuộc phân nhóm 1901.10: CC.
1901.20	Đối với hàng hóa thuộc phân nhóm 1901.20 có chứa trên 25% chất béo của sữa tính theo trọng lượng chất khô, chưa được đóng gói để bán lẻ: CC, ngoại trừ từ nhóm 04.01 đến

<b>Mã số hàng hóa (HS 2012)</b>	<b>Quy tắc cụ thể mặt hàng</b>
	<p>04.06;  Đôi với hàng hóa thuộc phân nhóm 1901.20 có chứa trên 30% bột gạo tính theo trọng lượng chất khô: CC, với điều kiện trị giá của bột gạo không có xuất xứ không vượt quá 30% trị giá của hàng hóa;  Đôi với hàng hóa khác thuộc phân nhóm 1901.20: CC.  <u>Ghi chú:</u>  Trường hợp có hơn một (1) quy tắc cụ thể mặt hàng áp dụng cho hàng hóa thuộc phân nhóm 1901.20, hàng hóa đó phải đáp ứng các quy tắc cụ thể mặt hàng này.</p>
1901.90	<p>Đôi với chế phẩm thuộc phân nhóm 1901.90 có chứa trên 10% sữa khô tính theo trọng lượng chất khô: CC, ngoại trừ từ nhóm 04.01 đến 04.06;  Đôi với chế phẩm thuộc phân nhóm 1901.90 có chứa trên 30% bột gạo tính theo trọng lượng chất khô: CC, với điều kiện trị giá bột gạo không có xuất xứ thuộc phân nhóm 1102.90 không vượt quá 30% trị giá của hàng hóa;  Đôi với các chế phẩm khác thuộc phân nhóm 1901.90: CC.  <u>Ghi chú:</u>  Trường hợp có hơn một (1) quy tắc cụ thể mặt hàng áp dụng cho hàng hóa thuộc phân nhóm 1901.90, hàng hóa đó phải đáp ứng các quy tắc cụ thể mặt hàng này.</p>
19.02 - 19.04	CC
19.05	CTH
<b>Chapter 20. Các chế phẩm từ rau, quả, quả hạch hoặc các sản phẩm khác của cây</b>	
2001.10	CC
2001.90	<p>Đôi với chế phẩm của một loại rau thuộc phân nhóm 2001.90: CC, ngoại trừ từ phân nhóm 0703.10, 0709.60, 0709.91 đến 0709.92, 0711.20 hoặc a-ti-sô, hành hoặc hạt tiêu thuộc phân nhóm 0711.90;  Đôi với hàng hóa khác thuộc phân nhóm 2001.90: CC, với điều kiện trị giá nguyên liệu không có xuất xứ thuộc phân nhóm 0703.10, 0709.60, 0709.91 đến 0709.92, 0711.20 và a-ti-sô, hành và hạt tiêu thuộc phân nhóm 0711.90 không vượt quá 40% trị giá của hàng hóa.</p>
20.02	CC
2003.10	CC, ngoại trừ từ phân nhóm 0709.51, 0710.80 hoặc 0711.51.
2003.90	CC
2004.10	CC, ngoại trừ từ nhóm 07.01, phân nhóm 0710.10, 0711.90 hoặc 0712.90.
2004.90	Đôi với chế phẩm của một loại rau thuộc phân nhóm 2004.90: CC, ngoại trừ từ phân nhóm 0703.10, 0709.60,



<b>Mã số hàng hóa (HS 2012)</b>	<b>Quy tắc cụ thể mặt hàng</b>
	0713.10 hoặc 0713.32 đến 0713.40; Đối với hàng hóa khác thuộc phân nhóm 2004.90: CC, với điều kiện trị giá nguyên liệu không có xuất xứ thuộc phân nhóm 0703.10, 0709.60, 0713.10 và 0713.32 đến 0713.40 không vượt quá 40% trị giá của hàng hóa.
2005.10	CC
2005.20	CC, ngoại trừ từ nhóm 07.01, phân nhóm 0710.10, 0711.90 hoặc nhóm 11.05.
2005.40	CC, ngoại trừ từ phân nhóm 0713.10.
2005.51	CC, ngoại trừ từ phân nhóm 0713.32 đến 0713.39.
2005.59	CC
2005.60	CC, ngoại trừ từ phân nhóm 0709.20 hoặc măng tây thuộc phân nhóm 0710.80.
2005.70	CC, ngoại trừ từ phân nhóm 0709.91 đến 0709.99 hoặc 0711.20.
2005.80 - 2005.91	CC
2005.99	Đối với chế phẩm của một loại rau thuộc phân nhóm 2005.99: CC, ngoại trừ từ nhóm 07.01, phân nhóm 0709.51, 0709.60 hoặc khoai tây hoặc nấm của chi Agaricus thuộc nhóm 07.10 đến 07.12; Đối với hàng hóa khác thuộc phân nhóm 2005.99: CC, với điều kiện trị giá nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 07.01, phân nhóm 0709.51, 0709.60 và khoai tây và nấm của chi Agaricus thuộc nhóm 07.10 đến 07.12 không vượt quá 40% trị giá của hàng hóa.
20.06	CC
2007.10 - 2007.91	CC
2007.99	Đối với các chế phẩm của một loại trái cây thuộc phân nhóm 2007.99: CTH, ngoại trừ từ xoài hoặc ổi thuộc phân nhóm 0804.50, đào thuộc phân nhóm 0809.30, 0810.10, 0811.10, nhóm 20.06, 20.08, phân nhóm 2009.41 đến 2009.49 hoặc nước ép của xoài hoặc nước ép của ổi thuộc phân nhóm 2009.89, với điều kiện trị giá nguyên liệu không có xuất xứ thuộc phân nhóm 0804.30 không vượt quá 50% trị giá của hàng hóa; Đối với hàng hóa khác thuộc phân nhóm 2007.99: CTH, với điều kiện trị giá nguyên liệu không có xuất xứ thuộc phân nhóm 0804.30, xoài và ổi thuộc phân nhóm 0804.50, đào thuộc phân nhóm 0809.30, 0810.10, 0811.10, nhóm 20.06, 20.08, phân nhóm 2009.41 đến 2009.49 và nước ép của xoài hoặc nước ép của ổi thuộc phân nhóm 2009.89 không vượt quá 40% trị giá của hàng hóa.
2008.11	CC, ngoại trừ từ nhóm 12.02.

Mã số hàng hóa (HS 2012)	Quy tắc cụ thể mặt hàng
2008.19	<p>Đối với quả hạch hoặc lạc thuộc phân nhóm 2008.19 mới chỉ được rang khô hoặc tẩm dầu, đã hoặc chưa tẩm muối: CC, ngoại trừ từ nhóm 08.02 hoặc 12.02;</p> <p>Đối với hỗn hợp thuộc phân nhóm 2008.19 có chứa 50% quả hạch hoặc lạc tính theo trọng lượng khô mới chỉ được rang khô hoặc tẩm dầu, đã hoặc chưa tẩm muối: CC, ngoại trừ từ nhóm 08.02 hoặc 12.02;</p> <p>Đối với hàng hóa khác thuộc phân nhóm 2008.19: CC.</p>
2008.20	CC, ngoại trừ từ phân nhóm 0804.30 hoặc 0811.90.
2008.30	CC
2008.40	CC, ngoại trừ từ phân nhóm 0808.30, 0808.40 hoặc 0811.90.
2008.50	CC, ngoại trừ từ phân nhóm 0809.10 hoặc 0811.90.
2008.60	CC
2008.70	CC, ngoại trừ từ đào thuộc phân nhóm 0809.30 hoặc 0811.90.
2008.80	CC, ngoại trừ từ phân nhóm 0810.10 hoặc 0811.10.
2008.91 - 2008.93	CC
2008.97	<p>Đối với hỗn hợp thuộc phân nhóm 2008.97 được đóng gói dưới dạng lỏng hoặc trong gelatin: CC, ngoại trừ từ xoài hoặc ổi thuộc phân nhóm 0804.50, nhóm 08.05, phân nhóm 0808.30 hoặc 0809.10, đào thuộc phân nhóm 0809.30 hoặc mơ, lê hay đào đông lạnh thuộc phân nhóm 0811.90, với điều kiện trị giá nguyên liệu không có xuất xứ không vượt quá 50% trị giá của hàng hóa;</p> <p>Đối với hàng hóa khác thuộc phân nhóm 2008.97: CC; hoặc RVC không thấp hơn 40% theo công thức tính gián tiếp.</p>
2008.99	CC, ngoại trừ từ xoài hoặc ổi thuộc phân nhóm 0804.50.
2009.11 - 2009.39	CC, ngoại trừ từ nhóm 08.05.
2009.41 - 2009.49	CC, ngoại trừ từ phân nhóm 0804.30.
2009.50 - 2009.81	CC
2009.89	CC, ngoại trừ từ xoài hoặc ổi thuộc phân nhóm 0804.50, 0807.20 hoặc chanh dây thuộc phân nhóm 0810.90.
2009.90	CC; hoặc RVC không thấp hơn 45% theo công thức tính gián tiếp.
	Chương 21 - Các chế phẩm ăn được khác
2101.11 - 2101.20	CC
2101.30	<p>Đối với <b>trà lúa mạch đã rang thuộc phân nhóm 2101.30</b>: CC, ngoại trừ từ nhóm 10.03;</p> <p>Đối với hàng hóa khác thuộc phân nhóm 2101.30: CC.</p>
21.02	CC
2103.10	CTH
2103.20	Đối với nước cốt cà chua thuộc phân nhóm 2103.20: CC, ngoại trừ từ phân nhóm 2002.90;

<b>Mã số hàng hóa (HS 2012)</b>	<b>Quy tắc cụ thể mặt hàng</b>
	Đối với hàng hóa khác thuộc phân nhóm 2103.20: CTSH.
2103.30	CTH
2103.90	CTSH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp.
21.04	CTH
21.05	CC, ngoại trừ từ nhóm 04.01 đến 04.06 hoặc từ các chế phẩm ăn kiêng thuộc phân nhóm 1901.90 hoặc 2106.90 có chứa trên 10% sữa khô tính theo trọng lượng chất khô.
2106.10	CTSH
2106.90	<p>Đối với các loại nước ép của một loại trái cây hoặc của một loại rau thuộc phân nhóm 2106.90: CC, ngoại trừ từ nhóm 08.05 hoặc 20.09, hoặc từ các loại nước ép trái cây hay nước ép rau thuộc phân nhóm 2202.90;</p> <p>Đối với các loại trái cây đóng gói trong gelatin thuộc phân nhóm 2106.90 có chứa hàm lượng trên 20% trái cây tính theo trọng lượng: CC, ngoại trừ từ chương 20;</p> <p>Đối với chế phẩm thuộc phân nhóm 2106.90 có chứa trên 10% sữa khô tính theo trọng lượng chất khô: CC, ngoại trừ từ nhóm 04.01 đến 04.06 hoặc từ các chế phẩm thuộc phân nhóm 1901.90 có chứa trên 10% sữa khô tính theo trọng lượng chất khô;</p> <p>Đối với xirô đường thuộc phân nhóm 2106.90: CC, ngoại trừ từ Chương 17;</p> <p>Đối với chế phẩm thuộc phân nhóm 2106.90 có chứa trên 30% bột gạo tính theo trọng lượng chất khô: CC, với điều kiện trị giá bột gạo không có xuất xứ thuộc phân nhóm 1102.90 không vượt quá 30% trị giá của hàng hóa;</p> <p>Đối với chế phẩm Konnyaku (khoai nưa) thuộc phân nhóm 2106.90: CC, ngoại trừ từ phân nhóm 1212.99;</p> <p>Đối với các loại hàng hóa khác thuộc phân nhóm 2106.90: CTSH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp.</p> <p><b>Ghi chú:</b> Trường hợp có hơn một (1) quy tắc cụ thể mặt hàng áp dụng cho hàng hóa thuộc phân nhóm 2106.90, hàng hóa đó phải đáp ứng các quy tắc cụ thể mặt hàng này.</p>
<b>Chương 22. Đồ uống, rượu và giấm</b>	
<p><b>Chú giải Nhóm:</b></p> <p>Trong phạm vi của nhóm 22.08, "thể tích còn" và "nồng độ còn" được hiểu như sau: "nồng độ còn tính theo thể tích" của một hỗn hợp của nước và cồn ê-ti-lích tinh khiết là tỷ lệ thể tích cồn tinh khiết trong hỗn hợp, đo ở nhiệt độ 20°C, với</p>	

Mã số hàng hóa (HS 2012)	Quy tắc cụ thể mặt hàng
	tổng thể tích của hỗn hợp đo ở cùng nhiệt độ.
22.01	CC
2202.10	CC
2202.90	<p>Đối với các loại đồ uống thuộc phân nhóm 2202.90 có chứa sữa: CC, ngoại trừ từ nhóm 04.01 đến 04.06 hoặc từ các chế phẩm ăn kiêng thuộc phân nhóm 1901.90 có chứa trên 10% sữa khô tính theo trọng lượng chất khô;</p> <p>Đối với các loại nước ép của một loại trái cây hoặc của một loại rau thuộc phân nhóm 2202.90: CC, ngoại trừ từ nhóm 08.05 hoặc 20.09, hoặc từ các loại nước ép trái cây hay nước ép rau thuộc phân nhóm 2106.90;</p> <p>Đối với các loại hàng hóa khác thuộc phân nhóm 2202.90: CC; hoặc RVC không thấp hơn 45% theo công thức tính gián tiếp.</p> <p><u>Ghi chú:</u> Trường hợp có hơn một (1) quy tắc cụ thể mặt hàng áp dụng cho hàng hóa thuộc phân nhóm 2202.90, hàng hóa đó phải đáp ứng các quy tắc cụ thể mặt hàng này.</p>
22.03	CTH
22.04	CC
22.05 - 22.06	CTH
22.07	CC
2208.20	<p>Đối với rượu pisco thuộc phân nhóm 2208.20: CC;</p> <p>Đối với rượu brandy thuộc phân nhóm 2208.20: CTH, ngoại trừ từ nhóm 22.07; hoặc RVC không thấp hơn 40% theo công thức tính gián tiếp;</p> <p>Đối với hàng hóa khác thuộc phân nhóm 2208.20: không yêu cầu chuyển đổi mã số hàng hóa, với điều kiện tổng thể tích còn của nguyên liệu không có xuất xứ không vượt quá 10% thể tích của tổng nồng độ còn của hàng hóa.</p>
2208.30	Không yêu cầu chuyển đổi mã số hàng hóa, với điều kiện tổng thể tích còn của nguyên liệu không có xuất xứ không vượt quá 10% thể tích của tổng nồng độ còn của hàng hóa.
2208.40	CC; hoặc không yêu cầu chuyển đổi mã số hàng hóa, với điều kiện tổng thể tích còn của nguyên liệu không có xuất xứ không vượt quá 10% thể tích của tổng nồng độ còn của hàng hóa.
2208.50 - 2208.60	Không yêu cầu chuyển đổi mã số hàng hóa, với điều kiện tổng thể tích còn của nguyên liệu không có xuất xứ không vượt quá 10% thể tích của tổng nồng độ còn của hàng hóa.
2208.70	Đối với rượu mùi thuộc phân nhóm 2208.70: CTH, ngoại trừ từ nhóm 22.07; hoặc RVC không thấp hơn 40% theo công thức tính gián tiếp;

Mã số hàng hóa (HS 2012)	Quy tắc cụ thể mặt hàng
	Đối với hàng hóa khác thuộc phân nhóm 2208.70: không yêu cầu chuyển đổi mã số hàng hóa, với điều kiện tổng thể tích còn của nguyên liệu không có xuất xứ không vượt quá 10% thể tích của tổng nồng độ còn của hàng hóa.
2208.90	Đối với rượu tequila, mezcal, sotol hoặc bacanora thuộc phân nhóm 2208.90: CC; Đối với hỗn hợp rượu sake hoặc rượu sake nấu ăn (mirin) thuộc phân nhóm 2208.90: CTH, với điều kiện RVC không thấp hơn 40% theo công thức tính gián tiếp; Đối với hàng hóa khác thuộc phân nhóm 2208.90: CTH, ngoại trừ từ nhóm 22.07.
22.09	CTH
<b>Chương 23. Phế liệu và phế thải từ ngành công nghiệp thực phẩm; thức ăn gia súc đã chế biến</b>	
23.01 - 23.05	CC
2306.10 - 2306.50	CC
2306.60	CC; hoặc RVC không thấp hơn 40% theo công thức tính gián tiếp.
2306.90	CC
23.07 - 23.08	CC
2309.10	CTH
2309.90	Đối với các chế phẩm dùng trong chăn nuôi động vật thuộc phân nhóm 2309.90 có chứa trên 10% sữa khô tính theo trọng lượng chất khô: CTH, ngoại trừ từ nhóm 04.01 đến 04.06 hoặc từ các chế phẩm ăn kiêng thuộc phân nhóm 1901.90 có chứa trên 10% sữa khô tính theo trọng lượng chất khô; Đối với các chế phẩm khác với thức ăn cho vật nuôi thuộc phân nhóm 2309.90 có chứa trên 30% bột gạo tính theo trọng lượng chất khô: CTH, với điều kiện trị giá nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 10.06 không vượt quá 30% trị giá của hàng hóa; Đối với hàng hóa khác thuộc phân nhóm 2309.90: CTH. <u>Ghi chú:</u> Trường hợp có hơn một (1) quy tắc cụ thể mặt hàng áp dụng cho hàng hóa thuộc phân nhóm 2309.90, hàng hóa đó phải đáp ứng các quy tắc cụ thể mặt hàng này.
<b>Chương 24. Thuốc lá và nguyên liệu thay thế thuốc lá đã chế biến</b>	
24.01	CC
2402.10	CTH
2402.20 - 2402.90	CC; hoặc CTH, với điều kiện thuốc lá chưa chế biến hoặc phế liệu thuốc lá thuộc nhóm 24.01 có xuất xứ không thấp hơn 55% tính theo trọng lượng chất khô của hàng hóa; hoặc

Mã số hàng hóa (HS 2012)	Quy tắc cụ thể mặt hàng
	RVC không thấp hơn 70% theo công thức tính gián tiếp.
2403.11 - 2403.19	CC
2403.91	Đối với thuốc lá "thuần nhất" hoặc thuốc lá "hoàn nguyên" được dùng như thuốc lá cuộn thuộc phân nhóm 2403.91: CTH; Đối với hàng hóa khác thuộc phân nhóm 2403.91: CC.
2403.99	CC
<b>PHẦN V KHOÁNG SẢN</b>	
<b>Chương 25. Muối; lưu huỳnh; đất và đá; thạch cao, vôi và xi măng</b>	
25.01 - 25.16	CTH
2517.10	CTH
2517.20 - 2517.30	CTSH
2517.41 - 2517.49	CTH
25.18 - 25.22	CTH
2523.10	CTH
2523.21 - 2523.29	CTSH
2523.30 - 2523.90	CTH
25.24	CTH
2525.10 - 2525.20	CTH
2525.30	CTSH
25.26 - 25.30	CTH
<b>Chương 26. Quặng, xỉ và tro</b>	
26.01 - 26.21	CTH
<b>Chương 27. Nhiên liệu khoáng, dầu khoáng và các sản phẩm chưng cất từ chúng; các chất chứa bi-tum; các loại sáp khoáng chất</b>	
<u>Chú giải Phân:</u> Quy tắc phản ứng hóa học	
Không xét đến Quy tắc cụ thể mặt hàng, hàng hóa thuộc Chương 27, là sản phẩm thu được từ một phản ứng hóa học, là hàng hóa có xuất xứ nếu phản ứng hóa học đó diễn ra tại lãnh thổ của một hoặc nhiều Nước thành viên.	
Trong phạm vi của quy tắc này, “phản ứng hóa học” là một quá trình (bao gồm quá trình sinh hóa) dẫn tới việc sinh ra một phân tử có cấu trúc mới bằng việc phá vỡ các liên kết nội phân tử và tạo nên các liên kết nội phân tử mới, hoặc bằng việc thay đổi mạng không gian nguyên tử. Các công đoạn dưới đây không được coi là phản ứng hóa học:	
<ul style="list-style-type: none"> <li>a) hòa tan vào nước hoặc các dung môi khác;</li> <li>b) khử các dung môi bao gồm cả việc khử nước; hoặc</li> <li>c) thêm nước vào hoặc loại bỏ nước ra khỏi các chất kết tinh.</li> </ul>	
<u>Chú giải Nhóm:</u>	
1. Quy tắc chung cất: Không xét đến Quy tắc cụ thể mặt hàng, hàng hóa thuộc nhóm 27.10 trải qua quá trình chưng cất khí quyển hoặc chưng cất chân không tại lãnh thổ của một hoặc nhiều Nước thành viên là hàng hóa có xuất xứ.	
Trong phạm vi của quy tắc này:	

<b>Mã số hàng hóa (HS 2012)</b>	<b>Quy tắc cụ thể mặt hàng</b>
	<p>a) Chung cất khí quyển là quá trình phân tách trong đó dầu mỏ được chuyển đổi, trong một tháp chung cất, thành các phân đoạn dựa trên điểm sôi và chất khí sau đó được ngưng tụ thành các sản phẩm hoá lỏng khác nhau. Hàng hóa được sản xuất từ quá trình chung cất dầu mỏ có thể bao gồm khí dầu mỏ hóa lỏng, naphtha, xăng, dầu hỏa, dầu diesel/nhiên liệu dầu, dầu nhẹ, và dầu bôi trơn; và</p> <p>b) Chung cất chân không là quá trình chung cất ở áp suất thấp hơn áp suất khí quyển nhưng không quá thấp mà được phân loại như chung cất phân tử. Chung cất chân không được dùng để chung cất các nguyên vật liệu có nhiệt độ sôi cao và nhạy nhiệt như chung cất nặng trong dầu mỏ để sản xuất dầu nhờn nhẹ hoặc dầu nhờn nặng và cặn. Trong một số nhà máy lọc dầu, nhiên liệu diesel có thể được tiếp tục phân tách thành các loại dầu bôi trơn.</p> <p>2. Quy tắc pha trộn trực tiếp: Không xét đến Quy tắc cụ thể mặt hàng, hàng hóa thuộc 27.10 trải qua quá trình "pha trộn trực tiếp" tại lãnh thổ của một hoặc nhiều Nước thành viên là hàng hóa có xuất xứ.</p> <p>Trong phạm vi của quy tắc này, "pha trộn trực tiếp" là quá trình trong đó các loại xăng dầu khác nhau được dẫn từ thiết bị hóa dầu hoặc các bể chứa, kết hợp lại để tạo ra sản phẩm cuối cùng với các thông số xác định trước, với điều kiện nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 27.10 chiếm không quá 25% thể tích của hàng hóa và không thành phần nào của nguyên liệu không có xuất xứ đó được phân loại ở nhóm 22.07.</p> <p>3. Quy tắc pha loãng: Để xác định hàng hóa thuộc nhóm 27.09 là hàng hóa có xuất xứ hoặc không có xuất xứ, không xét đến xuất xứ của chất pha loãng thuộc nhóm 27.09 hoặc 27.10 được sử dụng để tạo thuận lợi cho việc vận chuyển dầu mỏ và dầu thô thu được từ khoáng bi-tum thuộc nhóm 27.09 giữa các Nước thành viên, với điều kiện các chất pha loãng này chiếm không quá 40% thể tích của hàng hóa.</p>
27.01 - 27.09	CTH
2710.12 - 2710.20	CTH, ngoại trừ từ nhóm 22.07.
2710.91 - 2710.99	CTSH
2711.11 - 2711.29	CTSH
27.12	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp.
27.13 - 27.16	CTH
<b>PHẦN VI</b> <b>SẢN PHẨM CỦA NGÀNH CÔNG NGHIỆP HOÁ CHẤT HOẶC CÁC NGÀNH CÔNG NGHIỆP LIÊN QUAN</b>	
<u>Chú giải Phần:</u>	
<p>1. Quy tắc phản ứng hóa học:          Không xét đến Quy tắc cụ thể mặt hàng, hàng hóa thuộc Chương 28 đến 38, là sản phẩm thu được từ một phản ứng hóa học, là hàng hóa có xuất xứ nếu phản ứng hóa học đó diễn ra tại lãnh thổ của một hoặc nhiều Nước thành viên.          Trong phạm vi của quy tắc này, "phản ứng hóa học" là một quá trình (bao</p>	

<b>Mã số hàng hóa (HS 2012)</b>	<b>Quy tắc cụ thể mặt hàng</b>
	<p>gồm quá trình sinh hóa) dẫn tới việc sinh ra một phân tử có cấu trúc mới bằng việc phá vỡ các liên kết nội phân tử và tạo nên các liên kết nội phân tử mới, hoặc bằng việc thay đổi mạng không gian nguyên tử. Các công đoạn dưới đây không được coi là phản ứng hóa học:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>hòa tan vào nước hoặc các dung môi khác;</li> <li>khử các dung môi bao gồm cả việc khử nước; hoặc</li> <li>thêm nước vào hoặc loại bỏ nước ra khỏi các chất kết tinh.</li> </ol> <p>2. Quy tắc tinh chế</p> <p>Không xét đến Quy tắc cụ thể mặt hàng, hàng hóa thuộc Chương 28 đến Chương 35, hoặc hàng hóa thuộc Chương 38 trải qua quá trình tinh chế là hàng hóa có xuất xứ nếu quá trình tinh chế diễn ra tại lãnh thổ của một hoặc nhiều Nước thành viên và dẫn đến kết quả loại bỏ được không thấp hơn 80% hàm lượng tạp chất hiện có.</p> <p>3. Quy tắc phối trộn</p> <p>Không xét đến Quy tắc cụ thể mặt hàng, hàng hóa thuộc Chương 30 hoặc 31, nhóm 33.02 hoặc 37.07 là hàng hóa có xuất xứ nếu quá trình pha hoặc trộn (bao gồm phân tán), diễn ra tại lãnh thổ của một hoặc nhiều Nước thành viên, có tính toán và kiểm soát tỷ lệ của nguyên liệu để phù hợp với thông số kỹ thuật xác định trước, dẫn đến kết quả là hàng hóa tạo ra trong quá trình sản xuất có đặc tính vật lý hoặc hóa học liên quan đến mục đích sử dụng của hàng hóa đó với nguyên liệu đầu vào.</p> <p>4. Quy tắc thay đổi kích thước hạt</p> <p>Không xét đến Quy tắc cụ thể mặt hàng, hàng hóa thuộc Chương 30 hoặc 31, phân nhóm 3204.17 hoặc nhóm 33.04 là hàng hóa có xuất xứ nếu quá trình thay đổi kích thước hạt của hàng hóa, diễn ra tại lãnh thổ của một hoặc nhiều Nước thành viên, có tính toán và kiểm soát, bao gồm tán thành bột mịn (micro hóa) bằng cách hòa tan một polyme và kết tủa sau đó, ngoại trừ nghiền hoặc ép đơn giản, dẫn đến kết quả là hàng hóa tạo ra có kích thước hạt, phân bố kích thước hạt hoặc bề mặt xác định, liên quan đến mục đích sử dụng của sản phẩm tạo ra có đặc tính vật lý hoặc hóa học khác với nguyên liệu đầu vào.</p> <p>5. Quy tắc vật liệu chuẩn</p> <p>Không xét đến Quy tắc cụ thể mặt hàng, vật liệu chuẩn thuộc Chương 28 đến 38, ngoại trừ hàng hóa thuộc nhóm 35.01 đến 35.05 hoặc phân nhóm 3824.60 là hàng hóa có xuất xứ nếu quá trình sản xuất hàng hóa đó diễn ra tại lãnh thổ của một hoặc nhiều Nước thành viên.</p> <p>Trong phạm vi của quy tắc này, "vật liệu chuẩn" (bao gồm dung dịch chuẩn) là chế phẩm dùng để phân tích, hiệu chuẩn hoặc quy chiếu, được dùng với độ tinh khiết cao hoặc tính toán chính xác, được chứng nhận bởi nhà sản xuất.</p> <p>6. Quy tắc tách đồng phân</p> <p>Không xét đến Quy tắc cụ thể mặt hàng, hàng hóa thuộc chương 28 đến 38 là hàng hóa có xuất xứ nếu quá trình cô lập hoặc tách các chất đồng phân ra khỏi hỗn hợp đồng phân diễn ra tại lãnh thổ của một hoặc nhiều Nước thành viên.</p>
	<p><b>Chương 28. Hoá chất vô cơ; các hợp chất vô cơ hay hữu cơ của kim loại quý, kim loại đất hiếm, các nguyên tố phóng xạ hoặc các chất đồng vị</b></p>



<b>Mã số hàng hóa (HS 2012)</b>	<b>Quy tắc cụ thể mặt hàng</b>
2801.10 - 2801.30	CTSH
28.02 - 28.03	CTH
2804.10 - 2804.90	CTSH
2805.11 - 2805.40	CTSH
2806.10 - 2806.20	CTSH
28.07 - 28.08	CTH
2809.10 - 2809.20	CTSH
28.10	CTH
2811.11 - 2811.29	CTSH
2812.10 - 2812.90	CTSH
2813.10 - 2813.90	CTSH
28.14	CTH
2815.11 - 2815.12	CTH
2815.20 - 2815.30	CTSH
2816.10 - 2816.40	CTSH
28.17	CTH
2818.10 - 2818.30	CTSH
2819.10 - 2819.90	CTSH
2820.10 - 2820.90	CTSH
2821.10 - 2821.20	CTSH
28.22 - 28.23	CTH
2824.10 - 2824.90	CTSH
2825.10 - 2825.90	CTSH
2826.12 - 2826.90	CTSH
2827.10 - 2827.60	CTSH
2828.10 - 2828.90	CTSH
2829.11 - 2829.90	CTSH
2830.10 - 2830.90	CTSH
2831.10 - 2831.90	CTSH
2832.10 - 2832.30	CTSH
2833.11 - 2833.40	CTSH
2834.10 - 2834.29	CTSH
2835.10 - 2835.39	CTSH
2836.20 - 2836.99	CTSH
2837.11 - 2837.20	CTSH
2839.11 - 2839.90	CTSH
2840.11 - 2840.30	CTSH
2841.30 - 2841.90	CTSH
2842.10 - 2842.90	CTSH
2843.10 - 2843.90	CTSH
2844.10 - 2844.50	CTSH
2845.10 - 2845.90	CTSH

<b>Mã số hàng hóa (HS 2012)</b>	<b>Quy tắc cụ thể mặt hàng</b>
2846.10 - 2846.90	CTSH
28.47 - 28.48	CTH
2849.10 - 2849.90	CTSH
28.50	CTH
2852.10 - 2852.90	CTSH
28.53	CTH
<b>Chương 29. Hoá chất hữu cơ</b>	
2901.10 - 2901.29	CTSH
2902.11 - 2902.90	CTSH
2903.11 - 2903.99	CTSH
2904.10 - 2904.90	CTSH
2905.11 - 2905.59	CTSH
2906.11 - 2906.29	CTSH
2907.11 - 2907.29	CTSH
2908.11 - 2908.99	CTSH
2909.11 - 2909.60	CTSH
2910.10 - 2910.90	CTSH
29.11	CTH
2912.11 - 2912.60	CTSH
29.13	CTH
2914.11 - 2914.70	CTSH
2915.11 - 2915.90	CTSH
2916.11 - 2916.39	CTSH
2917.11 - 2917.39	CTSH
2918.11 - 2918.99	CTSH
2919.10 - 2919.90	CTSH
2920.11 - 2920.90	CTSH
2921.11 - 2921.59	CTSH
2922.11 - 2922.50	CTSH
2923.10 - 2923.90	CTSH
2924.11 - 2924.29	CTSH
2925.11 - 2925.29	CTSH
2926.10 - 2926.90	CTSH
29.27 - 29.28	CTH
2929.10 - 2929.90	CTSH
2930.20 - 2930.90	CTSH
2931.10 - 2931.90	CTSH
2932.11 - 2932.99	CTSH
2933.11 - 2933.99	CTSH
2934.10 - 2934.99	CTSH
29.35	CTH
2936.21 - 2936.90	CTSH

<b>Mã số hàng hóa (HS 2012)</b>	<b>Quy tắc cụ thể mặt hàng</b>
2937.11 - 2937.90	CTSH
2938.10 - 2938.90	CTSH
2939.11 - 2939.99	CTSH
29.40	CTH
2941.10 - 2941.90	CTSH
29.42	CTH
<b>Chương 30. Dược phẩm</b>	
3001.20 - 3001.90	CTSH
3002.10 - 3002.90	CTSH
3003.10 - 3003.90	CTSH
30.04	CTH; hoặc RVC không thấp hơn 40% theo công thức tính gián tiếp.
3005.10 - 3005.90	CTSH
3006.10 - 3006.40	CTSH
3006.50	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 45% theo công thức tính gián tiếp.
3006.60 - 3006.92	CTSH
<b>Chương 31. Phân bón</b>	
31.01	CTH
3102.10 - 3102.90	CTSH
3103.10 - 3103.90	CTSH
3104.20 - 3104.90	CTSH
3105.10 - 3105.90	CTSH
<b>Chương 32. Các chất chiết xuất làm thuốc nhuộm hoặc thuốc da; ta nanh và các chất dẫn xuất của chúng; thuốc nhuộm, thuốc màu và các chất màu khác; sơn và véc ni; chất gắn và các loại ma tít khác; các loại mực</b>	
3201.10 - 3201.90	CTSH
3202.10 - 3202.90	CTSH
32.03	CTH
3204.11 - 3204.17	CTSH
3204.19	CTH
3204.20 - 3204.90	CTSH
32.05	CTH
3206.11 - 3206.50	CTSH
32.07 - 32.15	CTH
<b>Chương 33. Tinh dầu và các chất tựa nhựa; nước hoa, mỹ phẩm hoặc các chế phẩm dùng cho vệ sinh</b>	
3301.12 - 3301.90	CTSH
33.02 - 33.07	CTH
<b>Chương 34. Xà phòng, các chất hữu cơ hoạt động bề mặt, các chế phẩm dùng để giặt, rửa, các chế phẩm bôi trơn, các loại sáp nhân tạo, sáp chế</b>	

Mã số hàng hóa (HS 2012)	Quy tắc cụ thể mặt hàng
<b>biến, các chế phẩm dùng để đánh bóng hoặc tẩy sạch, nền và các sản phẩm tương tự, bột nhào dùng làm hình mẫu, sáp dùng trong nha khoa và các chế phẩm dùng trong nha khoa có thành phần cơ bản là thạch cao.</b>	
34.01	CTH
3402.11 - 3402.19	CTSH
3402.20	CTSH, ngoại trừ từ phân nhóm 3402.90
3402.90	CTSH
3403.11 - 3403.99	CTSH
3404.20 - 3404.90	CTSH
34.05 - 34.07	CTH
<b>Chương 35. Các chất chứa anbumin; các dạng tinh bột biến tính; keo hồ; enzym</b>	
3501.10 - 3501.90	CTSH
3502.11 - 3502.19	CTH
3502.20 - 3502.90	CTSH
35.03 - 35.04	CTH
3505.10	CTH
3505.20	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 45% theo công thức tính gián tiếp.
35.06 - 35.07	CTH
<b>Chương 36. Chất nổ; các sản phẩm pháo; diêm; các hợp kim tự cháy; các chế phẩm dễ cháy khác</b>	
36.01 - 36.06	CTH
<b>Chương 37. Vật liệu ảnh hoặc điện ảnh</b>	
37.01 - 37.07	CTH
<b>Chương 38. Các sản phẩm hóa chất khác</b>	
3801.10 - 3801.90	CTSH
38.02 - 38.05	CTH
3806.10 - 3806.90	CTSH
38.07	CTH
3808.50 - 3808.99	CTSH, với điều kiện thành phần hoạt chất có xuất xứ không thấp hơn 50% trọng lượng của hàng hóa; hoặc RVC không thấp hơn: a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 45% theo công thức tính gián tiếp.
38.09 - 38.22	CTH
3823.11 - 3823.70	CTSH
3824.10 - 3824.90	CTSH
38.25 - 38.26	CTH
<b>PHẦN VII</b>	
<b>PLASTIC VÀ CÁC SẢN PHẨM BẰNG PLASTIC; CAO SU VÀ CÁC SẢN</b>	

Mã số hàng hóa (HS 2012)	Quy tắc cụ thể mặt hàng
PHẨM BẰNG CAO SU	
<b>Chương 39. Plastic và các sản phẩm bằng plastic</b>	
<u>Chú giải Chương:</u>	
<p>Không xét đến Quy tắc cụ thể mặt hàng, hàng hóa thuộc nhóm 39.01 đến 39.14, ngoại trừ hàng hoá thuộc phân nhóm 3903.11 hoặc 3907.60, là sản phẩm thu được từ một phản ứng hóa học, là hàng hóa có xuất xứ nếu phản ứng hóa học đó diễn ra tại lãnh thổ của một hoặc nhiều Nước thành viên.</p> <p>Trong phạm vi của quy tắc này, “phản ứng hóa học” là một quá trình (bao gồm quá trình sinh hóa) dẫn tới việc sinh ra một phân tử có cấu trúc mới bằng việc phá vỡ các liên kết nội phân tử và tạo nên các liên kết nội phân tử mới, hoặc bằng việc thay đổi mạng không gian nguyên tử. Các công đoạn dưới đây không được coi là phản ứng hóa học:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) hòa tan vào nước hoặc các dung môi khác;</li> <li>b) khử các dung môi bao gồm cả việc khử nước; hoặc</li> <li>c) thêm nước vào hoặc loại bỏ nước ra khỏi các chất kết tinh.</li> </ul> <p>Định nghĩa này bao gồm tất cả các loại phản ứng trùng hợp.</p>	
39.01	<p>CTH, với điều kiện trọng lượng polyme có xuất xứ không thấp hơn 50% tổng trọng lượng polyme của sản phẩm; hoặc RVC không thấp hơn:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc</li> <li>b) 45% theo công thức tính gián tiếp.</li> </ul>
3902.10	<p>CTH, ngoại trừ từ nhóm 29.01; hoặc CTH, với điều kiện trọng lượng polyme có xuất xứ không thấp hơn 50% tổng trọng lượng polyme của sản phẩm; hoặc RVC không thấp hơn:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc</li> <li>b) 45% theo công thức tính gián tiếp.</li> </ul>
3902.20	<p>CTH, với điều kiện trọng lượng polyme có xuất xứ không thấp hơn 50% tổng trọng lượng polyme của sản phẩm; hoặc RVC không thấp hơn:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc</li> <li>b) 45% theo công thức tính gián tiếp.</li> </ul>
3902.30	<p>CTH, ngoại trừ từ nhóm 29.01; hoặc CTH, với điều kiện trọng lượng polyme có xuất xứ không thấp hơn 50% tổng trọng lượng polyme của sản phẩm; hoặc RVC không thấp hơn:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc</li> <li>b) 45% theo công thức tính gián tiếp.</li> </ul>
3902.90	<p>CTH, với điều kiện trọng lượng polyme có xuất xứ không thấp hơn 50% tổng trọng lượng polyme của sản phẩm; hoặc RVC không thấp hơn:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc</li> <li>b) 45% theo công thức tính gián tiếp.</li> </ul>

<b>Mã số hàng hóa (HS 2012)</b>	<b>Quy tắc cụ thể mặt hàng</b>
3903.11	CTH, ngoại trừ từ nhóm 29.02; hoặc CTH, với điều kiện RVC không thấp hơn 50% theo công thức tính gián tiếp.
3903.19 - 3903.90	CTH, với điều kiện trọng lượng polyme có xuất xứ không thấp hơn 50% tổng trọng lượng polyme của sản phẩm; hoặc RVC không thấp hơn: a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 45% theo công thức tính gián tiếp.
39.04 - 39.06	CTH, với điều kiện trọng lượng polyme có xuất xứ không thấp hơn 50% tổng trọng lượng polyme của sản phẩm; hoặc RVC không thấp hơn: a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 45% theo công thức tính gián tiếp.
3907.10 - 3907.50	CTH, với điều kiện trọng lượng polyme có xuất xứ không thấp hơn 50% tổng trọng lượng polyme của sản phẩm; hoặc RVC không thấp hơn: a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 45% theo công thức tính gián tiếp.
3907.60	CTH, ngoại trừ từ phân nhóm 2905.31 hoặc 2917.36; hoặc CTH, với điều kiện RVC không thấp hơn 50% theo công thức tính gián tiếp.
3907.70 - 3907.99	CTH, với điều kiện trọng lượng polyme có xuất xứ không thấp hơn 50% tổng trọng lượng polyme của sản phẩm; hoặc RVC không thấp hơn: a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 45% theo công thức tính gián tiếp.
39.08 - 39.15	CTH, với điều kiện trọng lượng polyme có xuất xứ không thấp hơn 50% tổng trọng lượng polyme của sản phẩm; hoặc RVC không thấp hơn: a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 45% theo công thức tính gián tiếp.
3916.10 - 3916.90	CTSH
3917.10 - 3917.40	CTSH
39.18	CTH
39.19 - 39.20	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp.
3921.11 - 3921.90	CTSH
39.22 - 39.26	CTH
<b>Chương 40. Cao su và các sản phẩm bằng cao su</b>	
40.01	CTH; hoặc RVC không thấp hơn 40% theo công thức tính gián tiếp.
40.02 - 40.17	CTH
<b>PHẦN VII</b>	

Mã số hàng hóa (HS 2012)	Quy tắc cụ thể mặt hàng
DA SỐNG, DA THUỘC, DA LÔNG VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ DA; BỘ ĐỒ YÊN CƯƠNG, HÀNG DU LỊCH, TÚI XÁCH TAY VÀ CÁC LOẠI ĐỒ CHỨA TƯƠNG TỰ CÁC MẶT HÀNG TỪ RUỘT ĐỘNG VẬT (TRỪ TỜ TỪ RUỘT CON TẮM)	
<b>Chương 41. Da sống (trừ da lông) và da thuộc</b>	
41.01 - 41.03	CC
4104.11 - 4104.19	CTH
4104.41	CTSH
4104.49	CTSH, ngoại trừ từ phân nhóm 4104.41.
4105.10	CTH
4105.30	CTSH
4106.21	CTH
4106.22	CTSH
4106.31	CTH
4106.32	CTSH
4106.40	CTH; hoặc không yêu cầu chuyển đổi mã số hàng hóa ở dạng khô, với điều kiện chuyển đổi hàng hóa ở dạng ướt.
4106.91	CTH
4106.92	CTSH
41.07 - 41.13	CTH
4114.10	CTH
4114.20	CTSH
4115.10 - 4115.20	CTSH
<b>Chương 42. Các sản phẩm bằng da thuộc; yên cương và bộ yên cương; các mặt hàng du lịch, túi xách và các loại đồ chứa tương tự; các sản phẩm làm từ ruột động vật (trừ tờ từ ruột con tằm)</b>	
<u>Chú giải Chương:</u>	
Quy tắc cụ thể cho mặt hàng áp dụng cho hàng hóa thuộc phân nhóm 4202.12, 4202.22, 4202.32 và 4202.92 được quy định tại <b>Phụ lục IX</b> (Quy tắc cụ thể mặt hàng đối với hàng dệt may).	
42.01	CTH
4202.11	CC
4202.19 - 4202.21	CC
4202.29 - 4202.31	CC
4202.39 - 4202.91	CC
4202.99	CC
42.03 - 42.06	CC
<b>Chương 43. Da lông và da lông nhân tạo; các sản phẩm làm từ da lông và da lông nhân tạo</b>	
43.01	CC
43.02 - 43.03	CTH
43.04	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc

Mã số hàng hóa (HS 2012)	Quy tắc cụ thể mặt hàng
	b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 43.04.
<b>PHẦN IX</b>	
<b>GỖ VÀ CÁC MẶT HÀNG BẰNG GỖ; THAN TỪ GỖ; LIE VÀ CÁC SẢN PHẨM BẰNG LIE; CÁC SẢN PHẨM TỪ RƠM, CỎ GIẤY HOẶC CÁC VẬT LIỆU TẾT BỆN KHÁC; CÁC SẢN PHẨM BẰNG LIỄU GAI VÀ SONG MÂY</b>	
<b>Chương 44. Gỗ và các mặt hàng bằng gỗ; than từ gỗ</b>	
44.01 - 44.21	CTH
<b>Chương 45. Lie và các sản phẩm bằng lie</b>	
45.01 - 45.04	CTH
<b>Chương 46. Sản phẩm làm từ rơm, cỏ giấy hoặc từ các loại vật liệu tết bện khác; các sản phẩm bằng liễu gai và song mây</b>	
46.01	CC
46.02	CTH
<b>PHẦN X</b>	
<b>BỘT GIẤY TỪ GỖ HOẶC TỪ NGUYÊN LIỆU XƠ SỢI XENLULO KHÁC; GIẤY LOẠI HOẶC BÌA LOẠI THU HỒI (PHÉ LIỆU VÀ VỤN THỪA) GIẤY VÀ BÌA VÀ CÁC SẢN PHẨM CỦA CHÚNG</b>	
<b>Chương 47. Bột giấy từ gỗ hoặc từ nguyên liệu xơ xenlulo khác; giấy loại hoặc bìa loại thu hồi (phế liệu và vụn thừa)</b>	
47.01 - 47.07	CTH
<b>Chương 48. Giấy và bìa; các sản phẩm làm bằng bột giấy, bằng giấy hoặc bằng bìa</b>	
48.01 - 48.07	CTH
4808.10	CTH
4808.40	CTH, ngoại trừ từ nhóm 48.04.
4808.90	CTH
48.09 - 48.14	CTH
48.16	CTH, ngoại trừ từ nhóm 48.09.
48.17	CTH
4818.10 - 4818.30	CTH, ngoại trừ từ nhóm 48.03.
4818.50 - 4818.90	CTH
48.19 - 48.22	CTH
4823.20	CTH, ngoại trừ từ phân nhóm 4805.40.
4823.40 - 4823.90	CTH
<b>Chương 49. Sách, báo, tranh ảnh và các sản phẩm khác của công nghiệp in; các loại bản thảo viết bằng tay, đánh máy và sơ đồ</b>	
49.01 - 49.11	CTH
<b>PHẦN XI</b>	
<b>NGUYÊN LIỆU DỆT VÀ CÁC SẢN PHẨM DỆT</b>	
<u>Chú giải Phần:</u>	
Quy tắc cụ thể mặt hàng áp dụng cho hàng hóa thuộc Phần XI được quy	



<b>Mã số hàng hóa (HS 2012)</b>	<b>Quy tắc cụ thể mặt hàng</b>
định tại Phụ lục IX (Quy tắc cụ thể mặt hàng đối với hàng dệt may).	
<b>PHẦN XII</b>	
GIÀY, DÉP, MŨ VÀ CÁC VẬT ĐỘI ĐẦU KHÁC, Ô, DÙ, BA TOONG, GẬY TAY CẦM CÓ THỂ CHUYỂN THÀNH GHẾ, ROI GẬY ĐIỀU KHIỂN, ROI ĐIỀU KHIỂN SỨC VẬT THỒ KÉO VÀ CÁC BỘ PHẬN CỦA CÁC LOẠI HÀNG TRÊN; LÔNG VŨ CHẾ BIẾN VÀ CÁC SẢN PHẨM LÀM TỪ LÔNG VŨ CHẾ BIẾN; HOA NHÂN TẠO; CÁC SẢN PHẨM LÀM TỪ TÓC NGƯỜI	
<b>Chương 64. Giày, dép, ghệt và các sản phẩm tương tự; các bộ phận của các sản phẩm trên</b>	
64.01	CC; hoặc CTH, ngoại trừ từ nhóm 64.02 đến 64.05, phân nhóm 6406.10 hoặc các bộ phận của mũ giày (trừ loại bằng gỗ) thuộc phân nhóm 6406.90, với điều kiện RVC không thấp hơn: a) 45% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 55% theo công thức tính gián tiếp.
64.02	CC; hoặc CTH, ngoại trừ từ nhóm 64.01, 64.03 đến 64.05, phân nhóm 6406.10 hoặc các bộ phận của mũ giày (trừ loại bằng gỗ) thuộc phân nhóm 6406.90, với điều kiện RVC không thấp hơn: a) 45% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 55% theo công thức tính gián tiếp.
64.03	CC; hoặc CTH, ngoại trừ từ nhóm 64.01 đến 64.02 hoặc 64.04 đến 64.05, phân nhóm 6406.10 hoặc các bộ phận của mũ giày (trừ loại bằng gỗ) thuộc phân nhóm 6406.90, với điều kiện RVC không thấp hơn: a) 45% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 55% theo công thức tính gián tiếp.
64.04	CC; hoặc CTH, ngoại trừ từ nhóm 64.01 đến 64.03, 64.05, phân nhóm 6406.10 hoặc các bộ phận của mũ giày (trừ loại bằng gỗ) thuộc phân nhóm 6406.90, với điều kiện RVC không thấp hơn: a) 45% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 55% theo công thức tính gián tiếp.
64.05	CC; hoặc CTH, ngoại trừ từ nhóm 64.01 đến 64.04, phân nhóm 6406.10 hoặc các bộ phận của mũ giày (trừ loại bằng gỗ) thuộc phân nhóm 6406.90, với điều kiện RVC không thấp hơn: a) 45% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 55% theo công thức tính gián tiếp.
64.06	CC; hoặc RVC không thấp hơn: a) 45% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 55% theo công thức tính gián tiếp.
<b>Chương 65. Mũ và các vật đội đầu khác và các bộ phận của chúng</b>	

<b>Mã số hàng hóa (HS 2012)</b>	<b>Quy tắc cụ thể mặt hàng</b>
65.01 - 65.02	CC
65.04 - 65.07	CTH
<b>Chương 66. Ô, dù che, ba toong, gậy tay cầm có thể chuyển thành ghế, roi, gậy điều khiển, roi điều khiển sức vật thò kéo và các bộ phận của các sản phẩm trên</b>	
<b>Chú giải Chương:</b> Quy tắc cụ thể mặt hàng áp dụng cho hàng hóa thuộc nhóm 66.01 được quy định tại Phụ lục IX (Quy tắc cụ thể mặt hàng đối với hàng dệt may).	
66.02	CTH
66.03	CC
<b>Chương 67. Lông vũ và lông tơ chế biến, các sản phẩm bằng lông vũ hoặc lông tơ; hoa nhân tạo; các sản phẩm làm từ tóc người</b>	
67.01	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp.
6702.10	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 45% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 55% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 67.02.
6702.90	CC; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc Chương 67.
67.03 - 67.04	CTH
<b>PHẦN XIII</b>	
<b>SẢN PHẨM BẰNG ĐÁ, THẠCH CAO, XI MẶNG, AMIĂNG, MICA HOẶC CÁC VẬT LIỆU TƯƠNG TỰ; ĐỒ GÓM; THUỶ TINH VÀ CÁC SẢN PHẨM BẰNG THUỶ TINH</b>	
<b>Chương 68. Sản phẩm làm bằng đá, thạch cao, xi măng, amiăng, mica hoặc các vật liệu tương tự</b>	
68.01 - 68.11	CTH
6812.80 - 6812.99	CTSH
68.13 - 68.15	CTH
<b>Chương 69. Đồ gốm, sứ</b>	
69.01 - 69.14	CC
<b>Chương 70. Thủy tinh và các sản phẩm bằng thủy tinh</b>	
<b>Chú giải Chương:</b> Quy tắc cụ thể mặt hàng áp dụng cho hàng hóa thuộc nhóm 70.19 được quy định tại Phụ lục IX (Quy tắc cụ thể mặt hàng đối với hàng dệt may).	
70.01 - 70.04	CTH
70.05	CTH, ngoại trừ từ nhóm 70.03 đến 70.04; hoặc RVC không

Mã số hàng hóa (HS 2012)	Quy tắc cụ thể mặt hàng
	thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 70.03 đến 70.05.
70.06	CTH, ngoại trừ từ nhóm 70.03 đến 70.04; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 70.03 đến 70.04 và 70.06.
70.07	CTH
70.08	CTH, ngoại trừ từ nhóm 70.03 đến 70.07; hoặc RVC không thấp hơn: a) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc b) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 70.03 đến 70.08.
70.09	CTH, ngoại trừ từ nhóm 70.07 đến 70.08; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 70.07 đến 70.09.
70.10 - 70.11	CTH
70.13	CTH, ngoại trừ từ nhóm 70.10.
70.14 - 70.18	CTH
70.20	CTH
<b>PHẦN XIV</b>	
<b>NGỌC TRAI TỰ NHIÊN HOẶC NUÔI CẤY, ĐÁ QUÝ HOẶC ĐÁ BÁN QUÝ, KIM LOẠI QUÝ, KIM LOẠI ĐƯỢC DÁT PHỦ KIM LOẠI QUÝ, VÀ CÁC SẢN PHẨM CỦA CHÚNG; ĐỒ TRANG SỨC LÀM BẰNG CHẤT LIỆU KHÁC; TIỀN KIM LOẠI</b>	
<b>Chương 71. Ngọc trai tự nhiên hoặc nuôi cấy, đá quý hoặc đá bán quý, kim loại quý, kim loại được dát phủ kim loại quý, và các sản phẩm của chúng; đồ trang sức làm bằng chất liệu khác; tiền kim loại</b>	
71.01	CC
7102.10 - 7102.21	CC
7102.29	CTSH
7102.31	CC
7102.39	CTSH
7103.10	CC
7103.91 - 7103.99	CTSH

<b>Mã số hàng hóa (HS 2012)</b>	<b>Quy tắc cụ thể mặt hàng</b>
71.04 - 71.05	CTH
71.06 - 71.08	CC
71.09	CTH
71.10 - 71.11	CC
71.12	CTH
71.13 - 71.14	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 45% theo công thức tính gián tiếp.
71.15 - 71.16	CTH
7117.11	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 45% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 55% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 71.17.
7117.19 - 7117.90	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 71.17.
71.18	CTH
<b>PHẦN XV</b>	
<b>KIM LOẠI CƠ BẢN VÀ CÁC SẢN PHẨM BẰNG KIM LOẠI CƠ BẢN</b>	
<b>Chương 72. Sắt và thép</b>	
72.01 - 72.05	CC
72.06	CTH
72.07	CTH, ngoại trừ từ nhóm 72.06.
72.08	CTH
72.09	CTH, ngoại trừ từ nhóm 72.08 hoặc 72.11.
72.10	CTH, ngoại trừ từ nhóm 72.08 hoặc 72.11.
72.11	CTH, ngoại trừ từ nhóm 72.08 đến 72.09.
7212.10	CTH, ngoại trừ từ nhóm 72.08 đến 72.11; hoặc RVC không thấp hơn: a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 45% theo công thức tính gián tiếp.
7212.20 - 7212.60	CTH, ngoại trừ từ nhóm 72.08 đến 72.11.
72.13	CTH
72.14	CTH, ngoại trừ từ nhóm 72.13.
72.15	CTH, ngoại trừ từ nhóm 72.13 đến 72.14.
72.16	CTH, ngoại trừ từ nhóm 72.08 đến 72.15.
72.17	CTH, ngoại trừ từ nhóm 72.13 đến 72.15.
72.18	CTH
72.19	CTH, ngoại trừ từ nhóm 72.20.
72.20	CTH, ngoại trừ từ nhóm 72.19.

<b>Mã số hàng hóa (HS 2012)</b>	<b>Quy tắc cụ thể mặt hàng</b>
72.21	CTH
72.22	CTH, ngoại trừ từ nhóm 72.21.
72.23	CTH, ngoại trừ từ nhóm 72.21 đến 72.22.
72.24	CTH
72.25	CTH, ngoại trừ từ nhóm 72.26.
72.26	CTH, ngoại trừ từ nhóm 72.25.
72.27	CTH
72.28	CTH, ngoại trừ từ nhóm 72.27.
72.29	CTH, ngoại trừ từ nhóm 72.27 đến 72.28.
<b>Chương 73. Các sản phẩm bằng sắt hoặc thép</b>	
73.01 - 73.07	CC
7308.10	CTH, ngoại trừ từ nhóm 72.16; hoặc RVC không thấp hơn: a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 45% theo công thức tính gián tiếp.
7308.20 - 7308.40	CTH, ngoại trừ từ nhóm 72.16; hoặc RVC không thấp hơn: a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 45% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 55% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 72.16 và 73.08.
7308.90	CTH, ngoại trừ từ nhóm 72.16; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 72.16 và 73.08.
73.09 - 73.12	CTH
73.13	CC
7314.12 - 7314.19	CTH
7314.20 - 7314.50	CC; hoặc RVC không thấp hơn: a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 45% theo công thức tính gián tiếp.
7315.11 - 7315.12	CC; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc Chương 73.
7315.19	CC; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp.
7315.20 - 7315.81	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp.
7315.82	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc

<b>Mã số hàng hóa (HS 2012)</b>	<b>Quy tắc cụ thể mặt hàng</b>
	b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 73.15.
7315.89	CC; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc Chương 73.
7315.90	CC; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp.
73.16	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 73.16.
73.17	CC
73.18 - 73.19	CTH
7320.10	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 45% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 55% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 73.20.
7320.20 - 7320.90	CTH
73.21	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 40% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 50% theo công thức tính gián tiếp.
73.22	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 40% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 50% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 60% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 73.22.
7323.10 - 7323.94	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 45% theo công thức tính gián tiếp.
7323.99	CTH; hoặc RVC không thấp hơn 45% theo công thức tính gián tiếp.
7324.10	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 40% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 50% theo công thức tính gián tiếp.
7324.21 - 7324.90	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 40% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 50% theo công thức tính gián tiếp; hoặc

Mã số hàng hóa (HS 2012)	Quy tắc cụ thể mặt hàng
	c) 60% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 73.24.
73.25 - 73.26	CTH
<b>Chương 74. Đồng và các sản phẩm bằng đồng</b>	
74.01 - 74.07	CTH
7408.11 - 7408.19	CTH, ngoại trừ từ nhóm 74.07; hoặc RVC không thấp hơn 40% theo công thức tính gián tiếp.
7408.21	CTH, ngoại trừ từ nhóm 74.07; hoặc RVC không thấp hơn: a) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc b) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 74.07 đến 74.08.
7408.22	CTH, ngoại trừ từ nhóm 74.07; hoặc RVC không thấp hơn 40% theo công thức tính gián tiếp.
7408.29	CTH, ngoại trừ từ nhóm 74.07; hoặc RVC không thấp hơn: a) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc b) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 74.07 đến 74.08.
74.09 - 74.15	CTH
7418.10	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 45% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 55% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 74.18.
7418.20	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 40% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 50% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 60% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 74.18.
7419.10 - 7419.91	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 40% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 50% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 60% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 74.19.
7419.99	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 45% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 55% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 74.19.
<b>Chương 75. Niken và các sản phẩm bằng niken</b>	
75.01 - 75.05	CTH
75.06	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 40% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 50% theo công thức tính gián tiếp; hoặc

Mã số hàng hóa (HS 2012)	Quy tắc cụ thể mặt hàng
	c) 60% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 75.06.
7507.11 - 7507.20	CTSH
7508.10 - 7508.90	CTSH
<b>Chương 76. Nhôm và các sản phẩm bằng nhôm</b>	
76.01 - 76.04	CTH
76.05	CTH, ngoại trừ từ nhóm 76.04; hoặc RVC không thấp hơn 40% theo công thức tính gián tiếp.
76.06	CTH
7607.11 - 7607.19	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 45% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 55% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 76.07.
7607.20	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 76.07.
76.08 - 76.13	CTH
76.14	CTH, ngoại trừ từ nhóm 76.04 đến 76.05; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp.
76.15	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 45% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 55% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 76.15.
7616.10	CTH
7616.91	CTSH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 45% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 55% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc phân nhóm 7616.91.
7616.99	CTSH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp.
<b>Chương 78. Chì và các sản phẩm bằng chì</b>	
78.01 - 78.04	CTH
78.06	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc



Mã số hàng hóa (HS 2012)	Quy tắc cụ thể mặt hàng
	c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 78.06.
<b>Chương 79. Kẽm và các sản phẩm bằng kẽm</b>	
79.01 - 79.05	CTH
79.07	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 79.07.
<b>Chương 80. Thiếc và các sản phẩm bằng thiếc</b>	
80.01 - 80.03	CTH
80.07	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 80.07.
<b>Chương 81. Kim loại cơ bản khác; gồm kim loại; các sản phẩm của chúng</b>	
8101.10 - 8101.97	CTSH
8101.99	CTSH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc phân nhóm 8101.99.
8102.10 - 8102.99	CTSH
8103.20 - 8103.90	CTSH
8104.11 - 8104.90	CTSH
8105.20 - 8105.90	CTSH
81.06	CC; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc Chương 81.
8107.20 - 8107.90	CTSH
8108.20 - 8108.90	CTSH
8109.20 - 8109.90	CTSH
8110.10 - 8110.90	CTSH
81.11	CC; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc Chương 81.
8112.12 - 8112.59	CTSH
8112.92	CTSH; hoặc RVC không thấp hơn:

Mã số hàng hóa (HS 2012)	Quy tắc cụ thể mặt hàng
	a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc phân nhóm 8112.92.
8112.99	CTSH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc phân nhóm 8112.99.
81.13	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 81.13.
<b>Chương 82. Dụng cụ, đồ nghề, dao, kéo và bộ đồ ăn làm từ kim loại cơ bản; các bộ phận của chúng làm từ kim loại cơ bản</b>	
<u>Chú giải Chương:</u> Không cần xét đến tay cầm bằng kim loại cơ bản dùng để sản xuất ra hàng hóa thuộc nhóm 82.01 đến 82.10 khi xác định xuất xứ của hàng hóa.	
82.01 - 82.04	CC
8205.10 - 8205.70	CC
8205.90	Đối với đe, bộ bệ rèn xách tay, bàn mài quay hoạt động bằng tay hoặc chân thuộc phân nhóm 8205.90: CC; Đối với hàng hóa khác thuộc phân nhóm 8205.90: CC; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc Chương 82.
82.06	CC; hoặc RVC không thấp hơn: a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 45% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 55% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc Chương 82.
8207.13 - 8207.40	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 45% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 55% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 82.07.
8207.50	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với

<b>Mã số hàng hóa (HS 2012)</b>	<b>Quy tắc cụ thể mặt hàng</b>
	nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 82.07.
8207.60 - 8207.90	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 45% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 55% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 82.07.
82.08 - 82.10	CC
8211.10	CC; hoặc RVC không thấp hơn: a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 45% theo công thức tính gián tiếp.
8211.91 - 8211.93	CC; hoặc RVC không thấp hơn: a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 45% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 55% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc Chương 82.
8211.94 - 8211.95	CC
82.12	CC; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc Chương 82.
82.13	CC
8214.10	CC
8214.20	CC; hoặc RVC không thấp hơn: a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 45% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 55% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc Chương 82.
8214.90	CC; hoặc RVC không thấp hơn: a) 40% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 50% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 60% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc Chương 82.
8215.10 - 8215.20	CC; hoặc RVC không thấp hơn: a) 40% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 50% theo công thức tính gián tiếp.
8215.91 - 8215.99	CC
<b>Chương 83. Hàng tạp hoá làm từ kim loại cơ bản</b>	
8301.10 - 8301.50	CTSH
8301.60 - 8301.70	CTH
83.02 - 83.04	CTH
8305.10	CTSH
8305.20 - 8305.90	CTH

<b>Mã số hàng hóa (HS 2012)</b>	<b>Quy tắc cụ thể mặt hàng</b>
83.06 - 83.07	CTH
8308.10 - 8308.20	CTH
8308.90	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 45% theo công thức tính gián tiếp.
83.09 - 83.11	CTH
<b>PHẦN XVI</b>	
<b>MÁY VÀ CÁC TRANG THIẾT BỊ CƠ KHÍ; THIẾT BỊ ĐIỆN; CÁC BỘ PHẬN CỦA CHÚNG; THIẾT BỊ GHI VÀ TÁI TẠO ÂM THANH, THIẾT BỊ GHI VÀ TÁI TẠO HÌNH ẢNH, ÂM THANH TRUYỀN HÌNH VÀ CÁC BỘ PHẬN VÀ PHỤ KIỆN CỦA CÁC THIẾT BỊ TRÊN</b>	
<b>Chương 84. Lò phản ứng hạt nhân, nồi hơi, máy và thiết bị cơ khí; các bộ phận của chúng</b>	
8401.10 - 8401.30	CTSH
8401.40	CTH
8402.11 - 8402.20	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 45% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 55% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 84.02.
8402.90	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 84.02.
8403.10	CTSH
8403.90	CTH
8404.10 - 8404.20	CTSH
8404.90	CTH
8405.10	CTSH
8405.90	CTH
8406.10 - 8406.82	CTSH
8406.90	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 84.06.
8407.10 - 8407.29	CTH
8407.31 - 8407.32	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 35% theo công thức tính chi phí tịnh; hoặc c) 45% theo công thức tính gián tiếp.
8407.33# -	RVC không thấp hơn:

<b>Mã số hàng hóa (HS 2012)</b>	<b>Quy tắc cụ thể mặt hàng</b>
8407.34#	a) 45% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 45% theo công thức tính chi phí tịnh; hoặc c) 55% theo công thức tính gián tiếp.
8407.90	CTH
8408.10	CTH
8408.20#	RVC không thấp hơn: a) 45% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 45% theo công thức tính chi phí tịnh; hoặc c) 55% theo công thức tính gián tiếp.
8408.90	CTH
8409.10	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 84.09.
8409.91 - 8409.99	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 35% theo công thức tính chi phí tịnh; hoặc c) 45% theo công thức tính gián tiếp.
8410.11	CTSH, ngoại trừ từ phân nhóm 8410.12.
8410.12	CTSH, ngoại trừ từ phân nhóm 8410.11 hoặc 8410.13.
8410.13	CTSH, ngoại trừ từ phân nhóm 8410.12.
8410.90	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 84.10.
8411.11 - 8411.82	CTSH
8411.91	CTH
8411.99	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 84.11.
8412.10 - 8412.80	CTSH
8412.90	CTH
8413.11 - 8413.82	CTSH
8413.91 - 8413.92	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 84.13.
8414.10	CTH; hoặc RVC không thấp hơn:

<b>Mã số hàng hóa (HS 2012)</b>	<b>Quy tắc cụ thể mặt hàng</b>
	a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 84.14.
8414.20	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 45% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 55% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 84.14.
8414.30	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 84.14.
8414.40	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 45% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 55% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 84.14.
8414.51 - 8414.59	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 45% theo công thức tính gián tiếp.
8414.60	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 45% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 55% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 84.14.
8414.80 - 8414.90	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 84.14.
8415.10 - 8415.83	CTSH
8415.90	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 84.15.
8416.10 - 8416.30	CTSH
8416.90	CTH
8417.10 - 8417.80	CTSH
8417.90	CTH
8418.10	CTH; hoặc CTSH, ngoại trừ từ:

<b>Mã số hàng hóa (HS 2012)</b>	<b>Quy tắc cụ thể mặt hàng</b>
	<p>a) phân nhóm 8418.21 hoặc 8418.91,  b) cụm cửa thuộc phân nhóm 8418.99 kết hợp từ hai bộ phận sau đây trở lên:  (i) panen trong,  (ii) panen ngoài,  (iii) cách nhiệt,  (iv) bản lề,  (v) tay cầm, hoặc  c) cụm chi tiết thuộc phân nhóm 8418.69 kết hợp từ hai bộ phận sau đây trở lên:  (i) máy nén,  (ii) thiết bị làm ngưng tụ,  (iii) thiết bị làm bay hơi,  (iv) ống nối;  hoặc RVC không thấp hơn:  a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc  b) 45% theo công thức tính gián tiếp.</p>
8418.21	<p>CTH; hoặc CTSH, ngoại trừ từ:  a) phân nhóm 8418.21 hoặc 8418.91,  b) cụm cửa thuộc phân nhóm 8418.99 kết hợp từ hai bộ phận sau đây trở lên:  (i) panen trong,  (ii) panen ngoài,  (iii) cách nhiệt,  (iv) bản lề,  (v) tay cầm, hoặc  (c) cụm chi tiết thuộc phân nhóm 8418.69 kết hợp từ hai bộ phận sau đây trở lên:  (i) máy nén,  (ii) thiết bị làm ngưng tụ,  (iii) thiết bị làm bay hơi,  (iv) ống nối;  hoặc RVC không thấp hơn:  a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc  b) 45% theo công thức tính gián tiếp.</p>
8418.29 - 8418.40	<p>CTH; hoặc RVC không thấp hơn:  a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc  b) 45% theo công thức tính gián tiếp.</p>
8418.50 - 8418.69	<p>CTH; hoặc RVC không thấp hơn:  a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc  b) 40% theo công thức tính gián tiếp.</p>
8418.91 - 8418.99	<p>CTH; hoặc RVC không thấp hơn:  a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc</p>

<b>Mã số hàng hóa (HS 2012)</b>	<b>Quy tắc cụ thể mặt hàng</b>
	b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 84.18.
8419.11 - 8419.19	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 45% theo công thức tính gián tiếp.
8419.20 - 8419.89	CTSH
8419.90	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 84.19.
8420.10	CTSH
8420.91 - 8420.99	CTH
8421.11 - 8421.39	CTSH
8421.91 - 8421.99	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 84.21.
8422.11	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 40% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 50% theo công thức tính gián tiếp.
8422.19	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 40% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 50% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 60% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 84.22.
8422.20 - 8422.90	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 84.22.
8423.10 - 8423.89	CTSH
8423.90	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 84.23.
8424.10 - 8424.89	CTSH
8424.90	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc



Mã số hàng hóa (HS 2012)	Quy tắc cụ thể mặt hàng
	c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 84.24.
84.25 - 84.30	CTH
84.31	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 84.31.
8432.10 - 8432.80	CTSH
8432.90	CTH
8433.11 - 8433.60	CTSH
8433.90	CTH
8434.10 - 8434.20	CTSH
8434.90	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 84.34.
8435.10	CTSH
8435.90	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 84.35.
8436.10 - 8436.80	CTSH
8436.91 - 8436.99	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 84.36.
8437.10 - 8437.80	CTSH
8437.90	CTH
8438.10 - 8438.80	CTSH
8438.90	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 84.38.
8439.10 - 8439.30	CTSH
8439.91 - 8439.99	CTH
8440.10	CTSH
8440.90	CTH
8441.10 - 8441.80	CTSH

<b>Mã số hàng hóa (HS 2012)</b>	<b>Quy tắc cụ thể mặt hàng</b>
8441.90	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 84.41.
8442.30	CTSH
8442.40 - 8442.50	CTH
8443.11 - 8443.14	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 84.43.
8443.15 - 8443.31	CTSH
8443.32	CTSH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc phân nhóm 8443.32.
8443.39	CTSH
8443.91	CTSH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc phân nhóm 8443.91.
8443.99	CTSH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc phân nhóm 8443.99.
84.44	CTH
84.45	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 84.45.
8446.10	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 84.46.
8446.21 - 8446.30	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc b) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với

<b>Mã số hàng hóa (HS 2012)</b>	<b>Quy tắc cụ thể mặt hàng</b>
	nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 84.46.
8447.11 - 8447.12	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc b) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 84.47.
8447.20	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 45% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 55% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 84.47.
8447.90	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc b) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 84.47.
8448.11 - 8448.19	CTSH
8448.20 - 8448.59	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 84.48.
84.49	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc b) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 84.49.
8450.11 - 8450.19	CTH, ngoại trừ từ bảng điều khiển thuộc phân nhóm 8537.10; hoặc RVC không thấp hơn: a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 45% theo công thức tính gián tiếp.
8450.20	CTH, ngoại trừ từ bảng điều khiển thuộc phân nhóm 8537.10; hoặc RVC không thấp hơn: a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 45% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 55% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ của bảng điều khiển thuộc phân nhóm 8537.10 và nhóm 84.50.
8450.90	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 84.50.
8451.10 - 8451.80	CTSH
8451.90	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc

Mã số hàng hóa (HS 2012)	Quy tắc cụ thể mặt hàng
	b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 84.51.
8452.10 - 8452.29	CTSH
8452.30	CTH
8452.90	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 84.52.
8453.10 - 8453.80	CTSH
8453.90	CTH
8454.10 - 8454.30	CTSH
8454.90	CTH
8455.10 - 8455.22	CTSH
8455.30 - 8455.90	CTH
8456.10 - 8456.30	CTH, ngoại trừ từ nhóm 84.66; hoặc RVC không thấp hơn: a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 45% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 55% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 84.56 và 84.66.
8456.90	Đối với máy cắt bằng tia nước thuộc phân nhóm 8456.90: CTH; Đối với hàng hóa khác thuộc phân nhóm 8456.90: CTH, ngoại trừ từ nhóm 84.66; hoặc RVC không thấp hơn: a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 45% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 55% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 84.56 và 84.66.
84.57	CTH, ngoại trừ từ nhóm 84.66; hoặc RVC không thấp hơn: a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 45% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 55% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 84.57 và 84.66.
84.58	CTH, ngoại trừ từ nhóm 84.66; hoặc RVC không thấp hơn: a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 45% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 55% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 84.58 và 84.66.
84.59	CTH, ngoại trừ từ nhóm 84.66; hoặc RVC không thấp hơn: a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 45% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 55% theo công thức tính giá trị tập trung đối với

Mã số hàng hóa (HS 2012)	Quy tắc cụ thể mặt hàng
84.60	nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 84.59 và 84.66. CTH, ngoại trừ từ nhóm 84.66; hoặc RVC không thấp hơn: a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 45% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 55% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 84.60 và 84.66.
84.61	CTH, ngoại trừ từ nhóm 84.66; hoặc RVC không thấp hơn: a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 45% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 55% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 84.61 và 84.66.
84.62	CTH, ngoại trừ từ nhóm 84.66; hoặc RVC không thấp hơn: a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 45% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 55% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 84.62 và 84.66.
84.63	CTH, ngoại trừ từ nhóm 84.66; hoặc RVC không thấp hơn: a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 45% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 55% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 84.63 và 84.66.
84.64 - 84.65	CTH
8466.10 - 8466.92	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 45% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 55% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 84.66.
8466.93	Đối với máy cắt bằng tia nước thuộc phân nhóm 8466.93: CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 84.66. Đối với hàng hóa khác thuộc phân nhóm 8466.93: CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 45% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 55% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 84.66.
8466.94	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 45% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 55% theo công thức tính giá trị tập trung đối với

Mã số hàng hóa (HS 2012)	Quy tắc cụ thể mặt hàng
	nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 84.66.
8467.11 - 8467.89	CTSH
8467.91	CTH
8467.92 - 8467.99	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 84.67.
8468.10 - 8468.80	CTSH
8468.90	CTH
84.69 - 84.70	CTH
8471.30 - 8471.90	CTSH
84.72	CTH
84.73	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 84.73.
8474.10 - 8474.80	CTSH
8474.90	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 84.74.
8475.10 - 8475.29	CTSH
8475.90	CTH
8476.21 - 8476.89	CTSH
8476.90	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 45% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 55% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 84.76.
8477.10	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 45% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 55% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 84.77.
8477.20	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 84.77.
8477.30 - 8477.90	CTH; hoặc RVC không thấp hơn:

<b>Mã số hàng hóa (HS 2012)</b>	<b>Quy tắc cụ thể mặt hàng</b>
	a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 45% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 55% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 84.77.
8478.10	CTSH
8478.90	CTH
8479.10 - 8479.89	CTSH
8479.90	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 84.79.
84.80	CTH
8481.10 - 8481.80	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 45% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 55% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 84.81.
8481.90	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 84.81.
8482.10	CTSH, ngoại trừ từ vòng trong hoặc vòng ngoài hoặc ô trục thuộc phân nhóm 8482.99; hoặc RVC không thấp hơn: a) 40% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 50% theo công thức tính gián tiếp.
8482.20 - 8482.80	CTSH, ngoại trừ từ vòng trong hoặc vòng ngoài hoặc ô trục thuộc phân nhóm 8482.99; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp.
8482.91 - 8482.99	CTH
8483.10	CTSH
8483.20	CTSH, ngoại trừ từ phân nhóm 8482.10 đến 8482.80; hoặc RVC không thấp hơn: a) 40% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 50% theo công thức tính gián tiếp.
8483.30	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 40% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 50% theo công thức tính gián tiếp.
8483.40 - 8483.50	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 45% theo công thức tính gián tiếp; hoặc

<b>Mã số hàng hóa (HS 2012)</b>	<b>Quy tắc cụ thể mặt hàng</b>
	c) 55% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 84.83.
8483.60	CTSH
8483.90	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 84.83.
8484.10	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 45% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 60% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 84.84.
8484.20	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 84.84.
8484.90	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 45% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 60% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 84.84.
8486.10	CTSH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc phân nhóm 8486.10.
8486.20	CTSH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc phân nhóm 8486.20.
8486.30	CTSH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc phân nhóm 8486.30.
8486.40	CTSH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc phân nhóm 8486.40.



<b>Mã số hàng hóa (HS 2012)</b>	<b>Quy tắc cụ thể mặt hàng</b>
8486.90	CTSH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc phân nhóm 8486.90.
8487.10	CTSH
8487.90	CTH
<b>Chương 85. Máy điện và thiết bị điện và các bộ phận của chúng; máy ghi và tái tạo âm thanh, máy ghi và tái tạo hình ảnh và âm thanh truyền hình, bộ phận và phụ kiện của các loại máy trên</b>	
8501.10	CTH, ngoại trừ từ xtato hoặc rôto thuộc nhóm 85.03: hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung của nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 85.01 và xtato hoặc rôto thuộc nhóm 85.03.
8501.20 - 8501.64	CTH
85.02 - 85.03	CTH
85.04	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 85.04.
8505.11 - 8505.20	CTSH
8505.90	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 85.05.
8506.10	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 45% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 60% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 85.06.
8506.30 - 8506.40	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 85.06.
8506.50	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 45% theo công thức tính gián tiếp; hoặc

Mã số hàng hóa (HS 2012)	Quy tắc cụ thể mặt hàng
	c) 55% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 85.06.
8506.60 - 8506.80	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 85.06.
8506.90	CTH
8507.10 - 8507.20	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 45% theo công thức tính gián tiếp.
8507.30 - 8507.80	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp.
8507.90	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 85.07.
8508.11	CTSH, ngoại trừ từ nhóm 85.01; CTSH, ngoại trừ từ vỏ thuộc phân nhóm 8508.70; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp.
8508.19	Đối với máy hút bụi dùng cho gia đình thuộc phân nhóm 8508.19: CTSH, ngoại trừ từ nhóm 85.01; hoặc CTSH, ngoại trừ từ vỏ thuộc phân nhóm 8508.70; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; Đối với hàng hóa khác thuộc phân nhóm 8508.19: CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp.
8508.60	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp.
8508.70	CTH
8509.40 - 8509.80	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 45% theo công thức tính gián tiếp.
8509.90	CTH
8510.10 - 8510.30	CTSH
8510.90	CTH

Mã số hàng hóa (HS 2012)	Quy tắc cụ thể mặt hàng
8511.10 - 8511.80	CTSH
8511.90	CTH
8512.10 - 8512.30	CTSH
8512.40 - 8512.90	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 85.12.
8513.10	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 45% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 55% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 85.13.
8513.90	CTH
8514.10 - 8514.40	CTSH
8514.90	CTH
8515.11 - 8515.80	CTSH
8515.90	CTH
8516.10	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 45% theo công thức tính gián tiếp.
8516.21 - 8516.33	CTSH
8516.40	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 45% theo công thức tính gián tiếp.
8516.50	CTSH
8516.60	CTH, ngoại trừ cụm linh kiện đã lắp vỏ ngoài hoặc hoặc các bộ phận phụ trợ thuộc phân nhóm 8537.10; hoặc RVC không thấp hơn: a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 45% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 55% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 85.16 và cụm linh kiện đã lắp vỏ ngoài hoặc các bộ phận phụ trợ thuộc phân nhóm 8537.10.
8516.71	CTSH
8516.72	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 85.16.
8516.79	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc

<b>Mã số hàng hóa (HS 2012)</b>	<b>Quy tắc cụ thể mặt hàng</b>
	b) 45% theo công thức tính gián tiếp.
8516.80	CTSH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc phân nhóm 8516.80.
8516.90	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 85.16.
8517.11 - 8517.69	CTSH
8517.70	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 85.17.
8518.10	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 85.18.
8518.21 - 8518.22	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp.
8518.29	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 85.18.
8518.30 - 8518.50	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp.
8518.90	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 85.18.
85.19 - 85.21	CTH
8522.10	CTH
8522.90	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc

<b>Mã số hàng hóa (HS 2012)</b>	<b>Quy tắc cụ thể mặt hàng</b>
	c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 85.22.
8523.21 - 8523.29	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 85.23.
8523.41	CTH
8523.49	CTSH
8523.51 - 8523.80	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 85.23.
85.25 - 85.27	CTH
85.28	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 85.28.
85.29	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 85.29.
8530.10 - 8530.80	CTSH
8530.90	CTH
8531.10 - 8531.80	CTSH
8531.90	CTH
8532.10 - 8532.30	CTSH
8532.90	CTH
8533.10 - 8533.40	CTSH
8533.90	CTH
85.34	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 85.34.
8535.10 - 8535.90	CTSH
8536.10 - 8536.90	CTSH
85.37 - 85.38	CTH
8539.10 - 8539.49	CTSH
8539.90	CTH

<b>Mã số hàng hóa (HS 2012)</b>	<b>Quy tắc cụ thể mặt hàng</b>
8540.11	CTSH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc phân nhóm 8540.11.
8540.12	CTSH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc phân nhóm 8540.12.
8540.20	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 85.40.
8540.40	CTSH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc phân nhóm 8540.40.
8540.60	CTSH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc phân nhóm 8540.60.
8540.71	CTSH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc phân nhóm 8540.71.
8540.79	CTSH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc phân nhóm 8540.79.
8540.81	CTSH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc phân nhóm 8540.81.
8540.89	CTSH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc

<b>Mã số hàng hóa (HS 2012)</b>	<b>Quy tắc cụ thể mặt hàng</b>
	c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc phân nhóm 8540.89.
8540.91 - 8540.99	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 85.40.
8541.10	CTSH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc phân nhóm 8541.10.
8541.21	CTSH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc phân nhóm 8541.21.
8541.29	CTSH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc phân nhóm 8541.29.
8541.30	CTSH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc phân nhóm 8541.30.
8541.40	CTSH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc phân nhóm 8541.40.
8541.50	CTSH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc phân nhóm 8541.50.
8541.60	CTSH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc phân nhóm 8541.60.
8541.90	CTSH; hoặc RVC không thấp hơn:

<b>Mã số hàng hóa (HS 2012)</b>	<b>Quy tắc cụ thể mặt hàng</b>
	a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc phân nhóm 8541.90.
8542.31	CTSH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc phân nhóm 8542.31.
8542.32	CTSH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc phân nhóm 8542.32.
8542.33	CTSH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc phân nhóm 8542.33.
8542.39	CTSH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc phân nhóm 8542.39.
8542.90	CTSH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc phân nhóm 8542.90.
8543.10 - 8543.70	CTSH
8543.90	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 85.43.
8544.11	CTSH, ngoại trừ từ nhóm 74.08, 74.13, 76.05, 76.14 hoặc phân nhóm 8544.19 đến 8544.60; hoặc RVC không thấp hơn: a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 45% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 60% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 74.08, 74.13, 76.05, 76.14 và phân nhóm 8544.11 đến 8544.60.



<b>Mã số hàng hóa (HS 2012)</b>	<b>Quy tắc cụ thể mặt hàng</b>
8544.19	CTSH, ngoại trừ từ nhóm 74.08, 74.13, 76.05, 76.14, phân nhóm 8544.11, hoặc 8544.20 đến 8544.60; hoặc RVC không thấp hơn: a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 45% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 60% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 74.08, 74.13, 76.05, 76.14 và phân nhóm 8544.11 đến 8544.60.
8544.20	CTSH, ngoại trừ từ nhóm 74.08, 74.13, 76.05, 76.14, phân nhóm 8544.11 đến 8544.19, hoặc 8544.30 đến 8544.60; hoặc RVC không thấp hơn: a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 45% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 60% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 74.08, 74.13, 76.05, 76.14 và phân nhóm 8544.11 đến 8544.60.
8544.30	CTSH, ngoại trừ từ nhóm 74.08, 74.13, 76.05, 76.14 hoặc phân nhóm 8544.11 đến 8544.20 hoặc 8544.42 đến 8544.60; hoặc RVC không thấp hơn: a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 45% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 60% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 74.08, 74.13, 76.05, 76.14 và phân nhóm 8544.11 đến 8544.60.
8544.42	CTSH, ngoại trừ từ nhóm 74.08, 74.13, 76.05, 76.14, phân nhóm 8544.11 đến 8544.30, hoặc 8544.49 đến 8544.60; hoặc RVC không thấp hơn: a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 45% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 60% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 74.08, 74.13, 76.05, 76.14 và phân nhóm 8544.11 đến 8544.60.
8544.49	CTSH, ngoại trừ từ nhóm 74.08, 74.13, 76.05, 76.14, phân nhóm 8544.11 đến 8544.42 hoặc 8544.60; hoặc RVC không thấp hơn: a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 45% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 60% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 74.08, 74.13, 76.05, 76.14 và phân nhóm 8544.11 đến 8544.60.
8544.60	CTSH, ngoại trừ từ nhóm 74.08, 74.13, 76.05, 76.14 hoặc phân nhóm 8544.11 đến 8544.49; hoặc RVC không thấp hơn:

Mã số hàng hóa (HS 2012)	Quy tắc cụ thể mặt hàng
	a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 45% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 60% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 74.08, 74.13, 76.05, 76.14 và phân nhóm 8544.11 đến 8544.60.
8544.70	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 85.44.
85.45 - 85.48	CTH
<b>PHẦN XVII</b> <b>XE CỘ, PHƯƠNG TIỆN BAY, TÀU THUYỀN VÀ CÁC THIẾT BỊ VẬN TẢI LIÊN HỢP</b>	
<b>Chương 86. Đầu máy xe lửa hoặc xe điện, toa xe lửa và các bộ phận của chúng; vật cố định và ghép nối đường ray xe lửa hoặc xe điện và bộ phận của chúng; thiết bị tín hiệu giao thông bằng cơ khí (kể cả cơ điện) các loại</b>	
86.01 - 86.06	CTH
86.07	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 86.07.
86.08	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 86.08.
86.09	CTH
<b>Chương 87. Xe cộ trừ phương tiện chạy trên đường xe lửa hoặc xe điện, và các bộ phận và phụ kiện của chúng.</b>	
8701.10# - 8701.30#	RVC không thấp hơn: a) 45% theo công thức tính chi phí tịnh; hoặc b) 55% theo công thức tính gián tiếp.
8701.90	RVC không thấp hơn: a) 45% theo công thức tính chi phí tịnh; hoặc b) 55% theo công thức tính gián tiếp.
87.02# - 87.05#	RVC không thấp hơn: a) 45% theo công thức tính chi phí tịnh; hoặc b) 55% theo công thức tính gián tiếp.
87.06#	RVC không thấp hơn: a) 45% theo công thức tính trực tiếp; hoặc

<b>Mã số hàng hóa (HS 2012)</b>	<b>Quy tắc cụ thể mặt hàng</b>
	b) 45% theo công thức tính chi phí tịnh; hoặc c) 55% theo công thức tính gián tiếp.
87.07	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 35% theo công thức tính chi phí tịnh; hoặc c) 45% theo công thức tính gián tiếp.
8708.10# - 8708.21#	CTSH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 45% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 45% theo công thức tính chi phí tịnh; hoặc c) 55% theo công thức tính gián tiếp.
8708.29#	CTSH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 40% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính chi phí tịnh; hoặc c) 50% theo công thức tính gián tiếp.
8708.30# - 8708.40#	CTSH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 45% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 45% theo công thức tính chi phí tịnh; hoặc c) 55% theo công thức tính gián tiếp.
8708.50#	CTSH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 40% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính chi phí tịnh; hoặc c) 50% theo công thức tính gián tiếp.
8708.70	CTSH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 45% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 45% theo công thức tính chi phí tịnh; hoặc c) 55% theo công thức tính gián tiếp.
8708.80#	CTSH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 45% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 45% theo công thức tính chi phí tịnh; hoặc c) 55% theo công thức tính gián tiếp.
8708.91 - 8708.93	CTSH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 35% theo công thức tính chi phí tịnh; hoặc c) 45% theo công thức tính gián tiếp.
8708.94#	CTSH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 45% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 45% theo công thức tính chi phí tịnh; hoặc c) 55% theo công thức tính gián tiếp.
8708.95# - 8708.99#	CTSH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 40% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính chi phí tịnh; hoặc c) 50% theo công thức tính gián tiếp.
8709.11 - 8709.19	CTH; hoặc RVC không thấp hơn:

<b>Mã số hàng hóa (HS 2012)</b>	<b>Quy tắc cụ thể mặt hàng</b>
	a) 40% theo công thức tính chi phí tịnh; hoặc b) 50% theo công thức tính gián tiếp.
8709.90	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 35% theo công thức tính chi phí tịnh; hoặc c) 45% theo công thức tính gián tiếp.
87.10	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 87.10.
8711.10 - 8711.30	CTH, ngoại trừ từ nhóm 87.14; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 30% theo công thức tính chi phí tịnh; hoặc c) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc d) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 87.11 và 87.14.
8711.40 - 8711.90	CTH, ngoại trừ từ nhóm 87.14; hoặc RVC không thấp hơn: a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 35% theo công thức tính chi phí tịnh; hoặc c) 45% theo công thức tính gián tiếp; hoặc d) 55% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 87.11 và 87.14.
87.12	CTH, ngoại trừ từ nhóm 87.14; hoặc RVC không thấp hơn: a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 45% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 87.12 và 87.14.
87.13	CTH
8714.10 - 8714.20	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 87.14.
8714.91 - 8714.99	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 45% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 55% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 87.14.
87.15	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với

<b>Mã số hàng hóa (HS 2012)</b>	<b>Quy tắc cụ thể mặt hàng</b>
	nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 87.15.
8716.10 - 8716.20	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 45% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 55% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 87.16.
8716.31 - 8716.39	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 45% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 60% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 87.16.
8716.40 - 8716.90	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 45% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 55% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 87.16.
<b>Chương 88. Phương tiện bay, tàu vũ trụ, và các bộ phận của chúng</b>	
88.01 - 88.02	CTH
88.03	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 88.03.
88.04	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 88.04.
88.05	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 88.05.
<b>Chương 89. Tàu thủy, thuyền và các kết cấu nổi</b>	
8901.10	CC; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc Chương 89.
8901.20	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với

Mã số hàng hóa (HS 2012)	Quy tắc cụ thể mặt hàng
	nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 89.01.
8901.30 - 8901.90	CC; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc Chương 89.
89.02	CC; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc Chương 89.
89.03	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 89.03.
89.04 - 89.05	CC; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc Chương 89.
8906.10	CTH
8906.90	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 89.06.
8907.10	CTH
8907.90	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 89.07.
89.08	CTH
<b>PHẦN XVIII</b> <b>DỤNG CỤ, THIẾT BỊ VÀ MÁY QUANG HỌC, NHIẾP ẢNH, ĐIỆN ẢNH, ĐO LƯỜNG, KIỂM TRA ĐỘ CHÍNH XÁC, Y TẾ HOẶC PHẪU THUẬT; ĐỒNG HỒ CÁ NHÂN VÀ ĐỒNG HỒ THỜI GIAN KHÁC; NHẠC CỤ; CÁC BỘ PHẬN VÀ PHỤ KIỆN CỦA CHÚNG</b>	
<b>Chương 90. Dụng cụ, thiết bị quang học, nhiếp ảnh, điện ảnh, đo lường, kiểm tra độ chính xác, y tế hoặc phẫu thuật; các bộ phận và phụ kiện của chúng</b>	
9001.10	CC, ngoại trừ từ nhóm 70.02; hoặc RVC không thấp hơn:

<b>Mã số hàng hóa (HS 2012)</b>	<b>Quy tắc cụ thể mặt hàng</b>
	a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 45% theo công thức tính gián tiếp.
9001.20 - 9001.50	CTH
9001.90	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 90.01.
90.02	CTH, ngoại trừ từ nhóm 90.01; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 90.01 đến 90.02.
9003.11 - 9003.19	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 90.03.
9003.90	CTH
90.04	CC; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc Chương 90.
9005.10	CTSH
9005.80	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 45% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 55% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 90.05.
9005.90	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 90.05.
9006.10 - 9006.69	CTSH
9006.91 - 9006.99	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 90.06.
9007.10 - 9007.20	CTSH
9007.91 - 9007.92	CTH; hoặc RVC không thấp hơn:

<b>Mã số hàng hóa (HS 2012)</b>	<b>Quy tắc cụ thể mặt hàng</b>
	a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 90.07.
9008.50	CTSH
9008.90	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 90.08.
9010.10 - 9010.50	CTSH
9010.60	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 45% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 55% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 90.10.
9010.90	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 90.10.
9011.10 - 9011.20	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 90.11.
9011.80	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 45% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 55% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 90.11.
9011.90	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 90.11.
9012.10	CTSH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc phân nhóm 9012.10.
9012.90	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc



<b>Mã số hàng hóa (HS 2012)</b>	<b>Quy tắc cụ thể mặt hàng</b>
	b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 90.12.
90.13	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 90.13.
9014.10	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 90.14.
9014.20	CTSH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc phân nhóm 9014.20.
9014.80	CTSH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc phân nhóm 9014.80.
9014.90	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 90.14.
9015.10	CTSH
9015.20	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 45% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 55% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 90.15.
9015.30 - 9015.40	CTSH
9015.80 - 9015.90	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 90.15.
90.16	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc

<b>Mã số hàng hóa (HS 2012)</b>	<b>Quy tắc cụ thể mặt hàng</b>
	c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 90.16.
9017.10 - 9017.20	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 45% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 55% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 90.17.
9017.30	CTSH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc phân nhóm 9017.30.
9017.80	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 45% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 55% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 90.17.
9017.90	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 90.17.
9018.11	CTSH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc phân nhóm 9018.11.
9018.12	CTSH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc phân nhóm 9018.12.
9018.13	CTSH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc phân nhóm 9018.13.
9018.14	CTSH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc phân nhóm 9018.14.
9018.19	CTSH; hoặc RVC không thấp hơn:

<b>Mã số hàng hóa (HS 2012)</b>	<b>Quy tắc cụ thể mặt hàng</b>
	a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc phân nhóm 9018.19.
9018.20	CTSH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc phân nhóm 9018.20.
9018.31 - 9018.39	CTSH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp.
9018.41	CTSH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc phân nhóm 9018.41.
9018.49	CTSH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc phân nhóm 9018.49.
9018.50	CTSH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc phân nhóm 9018.50.
9018.90	CTSH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc phân nhóm 9018.90.
90.19	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 90.19.
90.20	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 90.20.
9021.10	CTSH; hoặc RVC không thấp hơn:

<b>Mã số hàng hóa (HS 2012)</b>	<b>Quy tắc cụ thể mặt hàng</b>
	a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc phân nhóm 9021.10.
9021.21	CTSH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc phân nhóm 9021.21.
9021.29	CTSH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc phân nhóm 9021.29.
9021.31	CTSH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc phân nhóm 9021.31.
9021.39	CTSH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc phân nhóm 9021.39.
9021.40	CTSH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc phân nhóm 9021.40.
9021.50	CTSH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc phân nhóm 9021.50.
9021.90	CTSH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc phân nhóm 9021.90.
9022.12	CTSH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với

<b>Mã số hàng hóa (HS 2012)</b>	<b>Quy tắc cụ thể mặt hàng</b>
	nguyên liệu không có xuất xứ thuộc phân nhóm 9022.12.
9022.13	CTSH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc phân nhóm 9022.13.
9022.14	CTSH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc phân nhóm 9022.14.
9022.19	CTSH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc phân nhóm 9022.19.
9022.21	CTSH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc phân nhóm 9022.21.
9022.29	CTSH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc phân nhóm 9022.29.
9022.30	CTSH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc phân nhóm 9022.30.
9022.90	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 90.22.
90.23	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 90.23.
9024.10 - 9024.80	CTSH
9024.90	CTH; hoặc RVC không thấp hơn:

<b>Mã số hàng hóa (HS 2012)</b>	<b>Quy tắc cụ thể mặt hàng</b>
	a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 90.24.
90.25	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 90.25.
9026.10 - 9026.80	CTSH
9026.90	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 90.26.
9027.10 - 9027.80	CTSH
9027.90	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 90.27.
9028.10	CTSH
9028.20	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 90.28.
9028.30	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 40% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 50% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 65% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 90.28.
9028.90	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 90.28.
90.29	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 90.29.
9030.10 - 9030.89	CTSH

<b>Mã số hàng hóa (HS 2012)</b>	<b>Quy tắc cụ thể mặt hàng</b>
9030.90	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 90.30.
9031.10 - 9031.80	CTSH
9031.90	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 90.31.
9032.10 - 9032.89	CTSH
9032.90	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 90.32.
90.33	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 90.33.
<b>Chương 91. Đồng hồ thời gian và các bộ phận của chúng</b>	
9101.11 - 9101.29	CC; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc Chương 91.
9101.91	CC; hoặc RVC không thấp hơn: a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 45% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 55% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc Chương 91.
9101.99	CC; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc Chương 91.
91.02 - 91.07	CC; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc Chương 91.

<b>Mã số hàng hóa (HS 2012)</b>	<b>Quy tắc cụ thể mặt hàng</b>
91.08 - 91.10	CC; hoặc RVC không thấp hơn: a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 45% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 55% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc Chương 91.
9111.10 - 9111.80	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 45% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 55% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 91.11.
9111.90	CTH
9112.20	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 91.12.
9112.90	CTH
9113.10 - 9113.20	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 91.13.
9113.90	CC
91.14	CTH
<b>Chương 92. Nhạc cụ; các bộ phận và phụ kiện của chúng</b>	
9201.10	CTH
9201.20 - 9201.90	CC; hoặc RVC không thấp hơn: a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 45% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 55% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc Chương 92.
9202.10	CC; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc Chương 92.
9202.90	CC; hoặc RVC không thấp hơn: a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 45% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 55% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc Chương 92.
9205.10	CTH
9205.90	CC; hoặc RVC không thấp hơn:



Mã số hàng hóa (HS 2012)	Quy tắc cụ thể mặt hàng
	a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc Chương 92.
92.06 - 92.08	CC; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc Chương 92.
92.09	CTH
<b>PHẦN XIX VŨ KHÍ VÀ ĐẠN; CÁC BỘ PHẬN VÀ PHỤ KIỆN CỦA CHÚNG</b>	
<b>Chương 93. Vũ khí và đạn; các bộ phận và phụ kiện của chúng</b>	
93.01 - 93.07	CTH
<b>PHẦN XX CÁC MẶT HÀNG KHÁC</b>	
<b>Chương 94. Đồ nội thất; bộ đồ giường, đệm, khung đệm, nệm và các đồ dùng nội thất tương tự; đèn và bộ đèn, chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác; biển hiệu được chiếu sáng, biển đề tên được chiếu sáng và các loại tương tự; nhà lắp ghép</b>	
<b>Chú giải Chương:</b> Quy tắc cụ thể mặt hàng áp dụng cho hàng hóa thuộc phân nhóm 9404.90 được quy định tại Phụ lục IX (Quy tắc cụ thể mặt hàng đối với hàng dệt may).	
9401.10 - 9401.20	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 94.01.
9401.30 - 9401.40	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 45% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 55% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 94.01.
9401.51 - 9401.59	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 94.01.
9401.61 - 9401.80	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 45% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 55% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 94.01.

<b>Mã số hàng hóa (HS 2012)</b>	<b>Quy tắc cụ thể mặt hàng</b>
9401.90	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 94.01.
94.02	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 94.02.
9403.10 - 9403.40	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 94.03.
9403.50	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 45% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 55% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 94.03.
9403.60	Đối với đồ nội thất ngoài trời thuộc phân nhóm 9403.60: CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 94.03. Đối với hàng hóa khác thuộc phân nhóm 9403.60: CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 45% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 55% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 94.03.
9403.70	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 45% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 55% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 94.03.
9403.81 - 9403.90	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 94.03.
9404.10 - 9404.30	CTH

<b>Mã số hàng hóa (HS 2012)</b>	<b>Quy tắc cụ thể mặt hàng</b>
9405.10 - 9405.20	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 45% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 55% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 94.05.
9405.30 - 9405.40	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 94.05.
9405.50	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 45% theo công thức tính gián tiếp.
9405.60	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 45% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 55% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 94.05.
9405.91 - 9405.99	CTH
94.06	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 94.06.
<b>Chương 95. Đồ chơi, thiết bị trò chơi và dụng cụ thể thao; các bộ phận và phụ kiện của chúng</b>	
95.03	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 95.03.
95.04	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 95.04.
95.05	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 95.05.
9506.11 - 9506.61	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc

<b>Mã số hàng hóa (HS 2012)</b>	<b>Quy tắc cụ thể mặt hàng</b>
	b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 95.06.
9506.62	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 45% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 55% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 95.06.
9506.69 - 9506.99	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 95.06.
95.07	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 95.07.
95.08	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 95.08.
<b>Chương 96. Các mặt hàng khác</b>	
<u>Chú giải Chương:</u>	
Quy tắc cụ thể mặt hàng áp dụng cho hàng hóa thuộc nhóm 96.19 được quy định tại Phụ lục IX (Quy tắc cụ thể mặt hàng đối với hàng dệt may).	
96.01	CC; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc Chương 96.
96.02	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 45% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 55% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 96.02.
96.03 - 96.05	CTH
9606.10	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 45% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 55% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 96.06.

<b>Mã số hàng hóa (HS 2012)</b>	<b>Quy tắc cụ thể mặt hàng</b>
9606.21	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 96.06.
9606.22	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 45% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 55% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 96.06.
9606.29	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 96.06.
9606.30	CTH
9607.11	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 45% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 55% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 96.07.
9607.19	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 96.07.
9607.20	CTH
9608.10 - 9608.20	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 45% theo công thức tính gián tiếp.
9608.30	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 40% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 50% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 60% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 96.08.
9608.40 - 9608.50	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 40% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 50% theo công thức tính gián tiếp.
9608.60 - 9608.99	CTH
9609.10	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 40% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 50% theo công thức tính gián tiếp.
9609.20 - 9609.90	CTH

<b>Mã số hàng hóa (HS 2012)</b>	<b>Quy tắc cụ thể mặt hàng</b>
96.10 - 96.12	CTH
9613.10 - 9613.80	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 45% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 55% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 96.13.
9613.90	CTH
96.14	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 96.14.
96.15	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 45% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 55% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 96.15.
96.16	CTH
96.17	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 45% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 55% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 96.17.
96.18	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 96.18.
96.19	CTH, trừ vật liệu dệt. <u>Ghi chú:</u> Xem Phụ lục IX (Quy tắc cụ thể mặt hàng đối với hàng dệt may) để biết quy tắc xuất xứ áp dụng cho vật liệu dệt thuộc nhóm 96.19.
<b>PHẦN XXI</b>	
<b>CÁC TÁC PHẨM NGHỆ THUẬT, ĐỒ SƯU TẦM VÀ ĐỒ CỒ</b>	
<b>Chương 97. Các tác phẩm nghệ thuật, đồ sưu tầm và đồ cổ</b>	
97.01 - 97.06	CTH